

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP)**

---

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN XUÂN MINH**

**Huyện Thường Xuân - Tỉnh Thanh Hóa**

## TỪ VIẾT TẮT

AH	Hộ BAH	Hộ bị ảnh hưởng
AP	Người BAH	Người bị ảnh hưởng
CPC	UBND xã	Ủy ban nhân dân xã
CTTĐ		Công trình thủy điện
DMS		Điều tra kiểm đếm chi tiết
DPC	UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện
DRC	Hội đồng ĐB-TĐC	Hội đồng đền bù tái định cư cấp huyện
EMPF	Khung Chính sách	Khung chính sách về dân tộc thiểu số
EMDP	Kế hoạch phát triển DTTS	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
GOV	Chính phủ	Chính phủ Việt Nam
HH	Hộ	Hộ
IOL		Kiểm đếm tài sản bị ảnh hưởng
LAR		Thu hồi đất và tái định cư
LURC	Giấy CNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
MOF	Bộ TC	Bộ Tài chính
MOLISA	Bộ LĐ-TB-XH	Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội
NGO	Tổ chức phi chính phủ	Tổ chức phi chính phủ
NHTG	Ngân hàng	Ngân hàng Thế giới
OP 4.10		Chính sách hoạt động về Dân tộc thiểu số của NHTG
PPC	UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh

RAP	Kế hoạch TĐC	Kế hoạch hành động tái định cư
RSX	Rừng sản xuất	Ký hiệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường
TOR		Đề cương tham chiếu
USD	Đô la	Đô la Mỹ
VND	Đồng	Đồng Việt Nam

## CÁC THUẬT NGỮ

**Người bị ảnh hưởng (BAH):** nghĩa là bất kỳ người nào, hộ gia đình, công ty, tổ chức tư nhân hoặc công cộng, vì những thay đổi phát sinh từ dự án, mà (i) mức sống bị ảnh hưởng xấu; (ii) quyền, quyền sở hữu hoặc lợi ích thu được từ nhà, đất (kể cả đất ở, kinh doanh, nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối và/hoặc đất chăn thả), nguồn nước hoặc bất kỳ tài sản có thể di chuyển hoặc cố định bị thu hồi, chiếm hữu, hạn chế hoặc nói khác đi, bị tác động xấu, toàn bộ hay một phần, vĩnh viễn hay tạm thời; và / hoặc (iii) cơ sở kinh doanh, nghề nghiệp, nơi làm việc hoặc nơi ở, hoặc môi trường sống bị tác động xấu, phải di rời hoặc không phải di rời. Trong trường hợp hộ gia đình, thuật ngữ người BAH bao gồm tất cả những thành viên sống trong cùng một mái nhà và hoạt động như một đơn vị kinh tế độc lập, bị tác động xấu bởi dự án hoặc bất kỳ hợp phần nào của dự án gây ra.

**Cộng đồng bị ảnh hưởng:** thôn/bản bị ảnh hưởng bởi (a) thu hồi đất do có bất kỳ hoạt động nào của dự án, dù có bị di rời hay không bị di rời; (b) cộng đồng tiếp nhận hộ di rời, hoặc (c) cộng đồng ở xung quanh, và về văn hóa hoặc xã hội, chắc chắn sẽ bị dự án tác động theo hướng tiêu cực.

**Quyền được hưởng:** các quyền được hưởng về tái định cư, bao gồm bồi thường và hỗ trợ.

**Chi trả bồi thường:** bồi thường bằng hiện vật, tiền mặt, hoặc cả hai hình thức này, với giá trị thay thế toàn bộ cho tài sản bị thiệt hại.

**Hỗ trợ và phục hồi:** hỗ trợ những hộ BAH bởi dự án do mất tài sản, việc làm hoặc nguồn sinh kế, cùng với khoản chi trả đền bù cho tài sản bị thu hồi để đảm bảo khôi phục sinh kế.

**Sinh kế:** khả năng, tài sản và các hoạt động cần để duy trì mức sống và chất lượng cuộc sống, kể cả thu nhập bằng tiền mặt và tự tiêu dùng.

**Kế hoạch:** bộ nguyên tắc, mục tiêu, thủ tục và kinh phí đã xác định trước để đảm bảo hoạt động của dự án được chắc chắn và thông suốt. Các chỉ tiêu định lượng (đất,

người) trong kế hoạch là các mục tiêu dự kiến. Những chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh khi cần thiết trong quá trình thực hiện dự án.

**Di dời:** tái định cư thực tế của hộ BAH bởi dự án khỏi nơi ở và/ hoặc cơ sở kinh doanh khi có dự án.

**Các nhóm dễ bị tổn thương:** những nhóm người riêng biệt có thể bị ảnh hưởng thiếu cân đối hoặc phải đối diện với rủi ro do bị gạt ra hơn nữa ngoài lề phát triển xã hội bởi các hậu quả của việc mất tài sản và đất đai hoặc tác động khác của dự án. Kế hoạch Tái định cư (RP) xác định các hộ dễ bị tổn thương là (1) các hộ có phụ nữ làm chủ hộ với nhiều ăn theo; (2) người độc thân mù chữ; (3) hộ có chủ hộ bị tàn tật; (4) hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; (5) các hộ người già và trẻ nhỏ không có đất và không có nguồn hỗ trợ nào khác; (6) hộ không có đất loại trừ các hộ có thu nhập ổn định từ các nghề phi nông nghiệp; và (7) các hộ bị ảnh hưởng nặng.

**Người dân tộc thiểu số:** Theo định nghĩa của WB, thuật ngữ Người bản địa được sử dụng theo nghĩa rộng để chỉ một nhóm văn hóa và xã hội, dễ bị tổn thương, riêng biệt có những đặc điểm sau ở những mức độ khác nhau:

- (i) Tự xác định là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và được các nhóm khác công nhận bản sắc này;
- (ii) Gắn bó tập thể với môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý hoặc những lãnh thổ mà tổ tiên để lại trong vùng dự án và gắn bó với các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các môi trường sống và các vùng lãnh thổ này;
- (iii) Có các thể chế chính trị hoặc xã hội, kinh tế, văn hóa theo tập tục khác biệt so với các thể chế của nền văn hóa và xã hội đa số; và
- (iv) Có ngôn ngữ riêng, thường khác so với ngôn ngữ chính thức của quốc gia hay khu vực.

Ở Việt Nam, thuật ngữ người bản địa chỉ người dân tộc thiểu số.

**Sự đồng ý của các cộng đồng dân tộc bản địa bị ảnh hưởng:** Đối với mục đích áp dụng chính sách thuật ngữ này nói đến sự biểu hiện tập thể của các cộng đồng dân tộc bản địa bị ảnh hưởng, thông qua các cá nhân và/hoặc đại diện được công nhận của họ, về sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng đối với các hoạt động của dự án. Cộng đồng vẫn có thể có sự ủng hộ rộng rãi kể cả khi một số cá nhân hay nhóm cá nhân trong cộng đồng phản đối các hoạt động của dự án.

**Sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng:** Đảm bảo chắc chắn có sự đồng ý của các cộng đồng dân tộc bản địa bị ảnh hưởng đối với các hoạt động dự án mà các nhóm dân tộc bản địa được cho rằng sẽ bị ảnh hưởng cụ thể.

**Tham vấn thiết thực:** Một quy trình (i) bắt đầu sớm ngay từ giai đoạn chuẩn bị dự án và được tiến hành liên tục trong suốt chu trình dự án; (ii) kịp thời công bố đầy đủ các

thông tin liên quan, dễ hiểu và dễ tiếp cận đối với các đối tượng bị ảnh hưởng; (iii) tiến hành trong môi trường không có đe dọa và cưỡng ép; (iv) hòa nhập và đáp ứng giới, được điều chỉnh theo nhu cầu của các nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương; và (v) tạo điều kiện đưa các quan điểm liên quan của các đối tượng bị ảnh hưởng và các bên có liên quan khác vào quy trình ra quyết định như thiết kế dự án, các biện pháp giảm nhẹ, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và các vấn đề thực hiện.

## MỤC LỤC

TÓM TẮT	viii
I. GIỚI THIỆU	12
A. Tổng quan về dự án phát triển năng lượng tái tạo .....	12
B. Giới thiệu công trình thủy điện Xuân Minh .....	13
C. Mục tiêu của Kế hoạch phát triển DTTS .....	17
II. KHUNG PHÁP LÝ CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DTTS	19
A. Các văn bản pháp lý và chính sách quốc gia về cộng đồng người DTTS.....	19
B. Chính sách và các Chương trình cho cộng đồng người DTTS .....	21
C. Chính sách của Ngân hàng thế giới với cộng đồng người DTTS.....	23
III. ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG DTTS VÙNG DỰ ÁN	25
A. Tổng quan về các DTTS tại khu vực dự án .....	25
B. Kết quả điều tra kinh tế xã hội người DTTS bị ảnh hưởng bởi công trình .....	26
IV. PHỔ BIẾN THÔNG TIN VÀ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	32
A. Phổ biến thông tin .....	32
B. Tham vấn cộng đồng và sự tham gia.....	32
C. Kết quả phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng.....	33
V. ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH ĐẾN NGƯỜI DTTS	35
A. Các tác động tích cực.....	35
B. Các tác động tiêu cực.....	37
VI. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU VÀ PHÁT TRIỂN DTTS	40
A. Các biện pháp giảm thiểu .....	40
B. Các biện pháp phát triển DTTS .....	43
VII. BỐ TRÍ THẺ CHẾ VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	45
A. Sắp xếp thẻ chế thực hiện.....	45
B. Kế hoạch thực hiện.....	45
VIII. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	47
IX. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	49
A. Yêu cầu chung về giám sát và đánh giá .....	49
B. Các chỉ số giám sát.....	50
X. KINH PHÍ VÀ KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN	52

## **Danh mục bảng**

Bảng I-1: Các thông số và chỉ tiêu chính của công trình Thủy điện Xuân Minh.....	15
Bảng II-1: Các văn bản pháp lý của Chính phủ Việt Nam đối với người DTTS .....	19
Bảng III-1: Các dân tộc bị ảnh hưởng trong phạm vi công trình .....	25
Bảng III-1: Số hộ và dân tộc các hộ BAH.....	26
Bảng III-2 Trình độ học vấn của chủ hộ được khảo sát theo xã bị ảnh hưởng.....	27
Bảng III-4: Thu nhập bình quân của các hộ BAH.....	27
Bảng III-5 Chi tiêu trung bình hàng tháng của hộ khảo sát (tỷ lệ%).....	29
Bảng III-6: Số lượng trường học các cấp xã Xuân Cao và Xuân Cẩm .....	30
Bảng III-9: Phân bổ lao động trong gia đình theo giới ở các hộ bị ảnh hưởng .....	30
Bảng IV-1: Ý kiến của các hộ dân BAH và cam kết của chủ đầu tư .....	33
Bảng V-1: Các tác động tích cực của công trình thủy điện.....	35
Bảng V-2: Các tác động tiêu cực của công trình thủy điện Xuân Minh.....	37
Bảng VI-1: Các biện pháp giảm thiểu .....	40
Bảng VI-2: Các biện pháp phát triển DTTS.....	43
Bảng VII-1 Tiến độ thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS .....	46
Bảng IX-1: Các chỉ số giám sát thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS .....	50
Bảng X-1: Tổng hợp kinh phí thực hiện kế hoạch phát triển DTTS .....	52

## **Phụ lục**

Phụ lục 1: Danh sách hộ BAH

Phụ lục 2: Danh sách hộ tham dự họp tham vấn

Phụ lục 3: Biên bản họp tham vấn cộng đồng

Phụ lục 4: Hình ảnh của các cuộc họp tham vấn

## TÓM TẮT

### Giới thiệu

1. Mục tiêu chung của Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo là nhằm trợ giúp phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, cung cấp điện với chi phí thấp nhất lên lưới điện quốc gia, trên cơ sở bền vững thương mại, đồng thời đảm bảo tính bền vững xã hội và môi trường.

2. Dự án thủy điện Xuân Minh do Công ty cổ phần thủy điện Xuân Minh làm chủ đầu tư. Dự án được xây dựng trên sông Chu tại khu vực chảy qua địa phận các xã Xuân Cẩm và Xuân Cao, huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hoá. Sông Chu là phụ lưu lớn nhất của Sông Mã, bắt nguồn từ vùng núi cao hơn 2.000 m thuộc vùng tây bắc Sầm Nưa ở Lào, chảy theo hướng tây bắc - đông nam qua các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và đổ vào bờ phải sông Mã ở Ngã Ba Giàng, cách cửa sông 25 km. Sông Mã bắt nguồn từ vùng núi tây bắc Việt Nam thuộc tỉnh Lai Châu chảy qua tỉnh Sơn La, nước CHDCND Lào, tỉnh Nghệ An và tỉnh Thanh Hoá rồi đổ ra Biển Đông. Sông Mã có hai phụ lưu lớn là sông Chu và sông Bưởi, trong đó đáng kể là sông Chu có chiều dài 325 km phần trong lãnh thổ Việt Nam dài 160 km. Vị trí dự án cách thành phố Thanh Hóa khoảng 60 km về phía Tây Nam, cách trung tâm huyện Thường Xuân 3km về phía Nam - Tây Nam. Dự án thuộc bậc thang thủy điện Sông Chu, nằm dưới hạ lưu công trình thủy điện Cửa Đạt 7km, có tọa độ vị trí địa lý: 19°52'50" Vĩ Độ Bắc 105°20'08" Kinh Độ Đông

3. Thủy điện Xuân Minh có công suất lắp máy 15 MW, sản lượng điện trung bình năm khoảng 65,06 triệu kWh, thuộc loại thủy điện nhà máy sau đập, có hồ chứa điều tiết ngày. Các thông số chính: diện tích lưu vực đến tuyến chọn: 6.315 km<sup>2</sup>, lưu lượng bình quân năm  $Q_0$ : 122,2 m<sup>3</sup>/s; mực nước dâng bình thường MNDBT: 27,5m; mực nước chết: 27m; dung tích toàn bộ hồ chứa: 8,1 x10<sup>6</sup>m<sup>3</sup>; dung tích hữu ích: 7,39x10<sup>6</sup>m<sup>3</sup>; dung tích chết: 0,71 x10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>; diện tích mặt hồ ứng với mực nước dâng bình thường: 1,65 km<sup>2</sup>; lưu lượng lớn nhất qua nhà máy  $Q_{max}$ : 199,2 m<sup>3</sup>/s; lưu lượng đảm bảo  $Q_{đb}$ : 67,8 m<sup>3</sup>/s, chiều cao đập tràn: 25,2 m; chiều cao đập dâng: 13,4 m; cấp điện áp 35 kV.

4. Bản kế hoạch tái định cư này được chuẩn bị nhằm đảm bảo rằng: (i) Tái định cư bắt buộc phải được tránh ở những nơi có thể, hoặc phải được giảm thiểu tối đa bằng việc lựa chọn các phương án thiết kế khác nhau, (ii) Ở những nơi tái định cư bắt buộc không thể tránh được, các hoạt động tái định cư phải được chuẩn bị và thực thi với các chương trình hỗ trợ phát triển bền vững, các hỗ trợ đầu tư phải được cung cấp đầy đủ, tạo khả năng cho người dân bị di dời được hưởng lợi các lợi ích từ tiểu dự án, những người phải di dời sẽ được tham vấn đầy đủ và được tham gia vào các hoạt động chuẩn bị và thực hiện Kế hoạch Tái định cư.

### Khung pháp lý của kế hoạch phát triển DTTS

5. Hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980 và 1992, 2013 cùng với những văn bản pháp lý khác (được cập nhật đến năm 2016) liên quan đến công tác và chiến lược phát triển dân tộc thiểu số cũng như chính sách phát triển dân tộc thiểu số của Ngân hàng thế giới (WB) – OP4.10 là các cơ sở pháp lý quan trọng trong quá trình chuẩn bị



kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số cho công trình thủy điện Xuân Minh, các chính sách về dân tộc thiểu số của Chính Phủ, của Ngân hàng Thế giới, và của địa phương đã được vận dụng kết hợp trong Kế hoạch Dân tộc thiểu số này để đảm bảo rằng cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực Công trình thủy điện Xuân Minh được tham vấn và cung cấp thông tin đầy đủ, được tham gia vào các giai đoạn triển khai thực hiện của công trình, được hưởng lợi từ công trình và các tác động tiêu cực đến văn hóa, kinh tế, xã hội được giảm thiểu tối đa.

### **Đặc điểm kinh tế xã hội cộng đồng người DTTS khu vực dự án**

6. Điều tra khảo sát kinh tế xã hội của khu vực và các hộ bị ảnh hưởng bởi công trình đã được thực hiện vào tháng 2 năm 2014 với 100% số hộ (115 hộ). Nguồn thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp (114/115 hộ) Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào thời tiết, quỹ đất hạn hẹp nên thu nhập của các hộ còn khá thấp (phần lớn các hộ có thu nhập trung bình 20-40 triệu đồng/năm), tỷ lệ hộ nghèo 9,6% (11/115 hộ).

7. Khu vực dự án có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và giáo dục khá tốt, các thôn bị ảnh hưởng nằm ngay cạnh trục đường liên xã, liền kề với trường tiểu học, THCS và mầm non, trạm y tế. 100% hộ dân được sử dụng điện lưới...

### **Phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng**

8. Nhiều cuộc khảo sát thực tế, họp tham vấn, thảo luận nhóm đã được tổ chức vào tháng 2/2017 với các bên liên quan đặc biệt là chính quyền địa phương và người dân đã được phổ biến đầy đủ các thông tin liên quan đến công trình và các hoạt động của nó từ giai đoạn chuẩn bị cho đến giai đoạn vận hành, ghi nhận các ý kiến hay phản ánh của người dân làm cơ sở đề xuất các biện pháp trong kế hoạch phát triển này.

9. Trong giai đoạn tiếp theo, việc phổ biến và họp tham vấn với chính quyền địa phương cũng như người dân sẽ thường xuyên được tổ chức ở mỗi giai đoạn quan trọng hoặc những thời điểm cần thiết.

### **Đánh giá các tác động của dự án**

10. Các tác động tiềm tàng của công trình bao gồm những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đã được thảo luận kỹ lưỡng tại các cuộc họp tham vấn và thảo luận nhóm giữa đơn vị thực hiện công trình và các cơ quan liên quan cũng như với người dân vùng bị ảnh hưởng. Về cơ bản, các tác động tiêu cực của công trình không có những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với đời sống sản xuất và hoạt động văn hóa tín ngưỡng cũng như phong tục tập quán của người dân địa phương.

### **Các biện pháp giảm thiểu và phát triển DTTS**

11. Việc xây dựng công trình thủy điện Xuân Minh do cần phải thu hồi một số diện tích đất sản xuất (Đất lúa, đất nương rẫy, đất trồng cây lâu năm, đất ao, đất rừng sản

xuất...); và những hoạt động trong quá trình thi công công trình, nên khó có thể tránh khỏi những ảnh hưởng không mong muốn. Do đó, tất cả các tác động tích cực và tiêu cực đều được nghiên cứu, thảo luận nhằm đề xuất các biện pháp giảm thiểu để khắc phục hoặc hỗ trợ người DTTS sớm ổn định đời sống sinh hoạt.

### **Bố trí thể chế và kế hoạch thực hiện**

12. Việc thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số cần có sự phối hợp của nhiều ban, ngành và của các cấp từ tỉnh đến huyện, xã, thôn và cộng đồng DTTS tại địa phương. Chủ đầu tư Công trình thủy điện Xuân Minh sẽ là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác để thực hiện. Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh chịu trách nhiệm cung cấp kinh phí cho việc thực hiện toàn bộ các hoạt động được đề ra Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số và thực hiện báo cáo cho các đơn vị có liên quan.

### **Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại**

13. Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong kế hoạch phát triển DTTS này đã được xây dựng dựa trên luật khiếu nại tố cáo của Việt Nam, được tham vấn với chính quyền, cộng đồng DTTS địa phương và có tính đến đặc điểm văn hóa riêng biệt cũng như các cơ chế văn hóa truyền thống của người DTTS tại khu vực công trình.

### **Giám sát và đánh giá**

14. Các biện pháp đề xuất và khung thời gian thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS cho Công trình thủy điện Xuân Minh sẽ được giám sát chặt chẽ để (i) đảm bảo tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển DTTS; (ii) các biện pháp giảm thiểu và phát triển DTTS được thực hiện đúng; (iii) đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp và đề xuất các biện pháp tăng cường nếu cần thiết; (iv) xác định các vấn đề phát sinh hoặc tiềm ẩn đối với cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện; và (v) xác định các biện pháp ứng phó để giảm thiểu những vấn đề đó.

15. Hệ thống giám sát nội bộ và độc lập sẽ được thiết lập với các đội ngũ chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển cộng đồng và DTTS, Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh sẽ chịu trách nhiệm giám sát nội bộ, các báo cáo giám sát hàng tháng, quý sẽ được đệ trình cho Ban quản lý dự án và Ngân hàng thế giới (WB). Đơn vị giám sát độc lập sẽ được tuyển dụng để thực hiện giám sát độc lập, và đánh giá độc lập sẽ được thực hiện định kỳ hàng năm, trừ trường hợp trong giai đoạn đầu có thể yêu cầu giám sát 02 lần một năm.

### **Kinh phí và kế hoạch giải ngân**

Tổng kinh phí để thực hiện các biện pháp phát triển trong kế hoạch phát triển DTTS là **957.000.000VNĐ** (tương đương 42.047USD, bao gồm 10% dự phòng). Kinh phí thực hiện sẽ được chi trả từ Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, đơn vị chịu trách

nhiệm cung cấp kinh phí cho việc thực hiện toàn bộ các hoạt động được đề ra Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số.

## I. GIỚI THIỆU

### A. Tổng quan về dự án phát triển năng lượng tái tạo

16. Mục tiêu của Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo là nhằm trợ giúp phát triển các nguồn năng lượng tái tạo cung cấp điện với chi phí thấp nhất lên lưới điện quốc gia trên cơ sở bền vững thương mại, đồng thời đảm bảo tính bền vững xã hội và môi trường. Dự án có 03 hợp phần bao gồm: (i) Hợp phần thực hiện dự án đầu tư; (ii) Hợp phần xây dựng thể chế; và (iii) Hợp phần phát triển kênh thông tin.

17. Hợp phần thực hiện dự án đầu tư sẽ bao gồm (i) Cho các ngân hàng thương mại tham gia vay lại vốn để cung cấp các khoản vay cho các dự án năng lượng tái tạo hợp lệ với công suất không quá 30 MW do các chủ đầu tư tư nhân đầu tư, và (ii) Hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao năng lực cho các ngân hàng tham gia và các chủ đầu tư tiểu dự án trong việc chuẩn bị, thẩm định, cấp vốn và thực hiện các dự án năng lượng tái tạo theo các thông lệ quốc tế. Hợp phần này sẽ do Ban Quản lý Dự án điện nông thôn và năng lượng tái tạo (BQLDA) thuộc Bộ Công Thương điều phối. Hợp phần này có hai tiểu hợp phần, đó là:

- **Cung cấp tín dụng để hỗ trợ đầu tư năng lượng tái tạo:** Các chủ đầu tư tư nhân sẽ xây dựng các tiểu dự án trong lĩnh vực thủy điện nhỏ, điện gió với công suất không quá 30 MW theo các tiêu chí của Dự án phát triển năng lượng tái tạo bao gồm các tiêu chí an toàn môi trường và xã hội. Các chủ đầu tư cam kết đóng góp vốn chủ sở hữu ít nhất 20% tổng vốn đầu tư và sẽ vay từ các ngân hàng tham gia tối đa 80% tổng số vốn đầu tư của tiểu dự án.
- Các ngân hàng tham gia được lựa chọn trên cơ sở cạnh tranh, sẽ chịu trách nhiệm thẩm định các tiểu dự án năng lượng tái tạo hợp lệ do các chủ đầu tư đề xuất và cung cấp các khoản vay cho các dự án đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của các ngân hàng tham gia. Các ngân hàng tham gia sẽ cho các tiểu dự án vay theo các điều khoản thương mại do thị trường xác định và sẽ chịu toàn bộ rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay.
- Các khoản cho vay hợp lệ sẽ được tái cấp vốn đến 80% giá trị khoản vay cho các ngân hàng tham gia hoặc 64% tổng giá trị đầu tư của tiểu dự án, có nghĩa là các ngân hàng tham gia sẽ cam kết cho vay ít nhất 16% tổng giá trị đầu tư đối với mỗi tiểu dự án từ nguồn vốn của họ và các chủ đầu tư sẽ đóng góp vốn chủ sở hữu 20% tổng vốn đầu tư. Sau khi các đơn đề nghị vay lại được phê duyệt, ngân hàng tham gia sẽ nhận được khoản vay lại từ Dự án phát triển năng lượng tái tạo (Ngân hàng thế giới -WB) thông qua Bộ Tài Chính (BTC). Khoản vay lại từ Dự án phát triển năng lượng tái tạo sẽ được tài trợ từ nguồn vốn WB cho BTC vay theo các điều khoản của WB.

- Dự kiến có khoảng 20-25 tiểu dự án sẽ được hỗ trợ thông qua cơ chế cho vay lại. Khi đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của các dự án này dự kiến đạt 210 MW và cung cấp khoảng 880 GWh sản lượng điện hàng năm.
- **Hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện dự án đầu tư:** Phần hỗ trợ kỹ thuật của Hợp phần 1 sẽ hỗ trợ việc quản lý chung của Dự án phát triển năng lượng tái tạo, kiểm tra tính hợp lệ của các khoản cho vay lại và nâng cao năng lực cho các ngân hàng tham gia, các chủ đầu tư và các bên có liên quan khác. Phần hỗ trợ kỹ thuật sẽ do BQLDA quản lý. Hỗ trợ kỹ thuật sẽ tập trung hướng dẫn các chủ đầu tư dự án các kỹ năng cần thiết để xác định các dự án khả thi và chuẩn bị các đề xuất vay vốn ngân hàng thông qua quá trình thẩm định và đàm phán vay vốn.
- Ngoài ra, phần hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ tập trung đào tạo cách lập các nghiên cứu khả thi, tối ưu hóa thiết kế, quản lý xây dựng, vận hành, bảo dưỡng, quản lý rủi ro tài chính và cân nhắc các vấn đề an toàn xã hội và môi trường. Các ngân hàng sẽ được hỗ trợ nâng cao năng lực hiểu các rủi ro đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo, giám sát dự án để đảm bảo tính an toàn, xây dựng các chính sách tín dụng và thẩm định các tiểu dự án theo các chính sách này. Phần hỗ trợ cũng sẽ hỗ trợ cho BQLDA trong việc quản lý Dự án phát triển năng lượng tái tạo.

## **B. Giới thiệu công trình thủy điện Xuân Minh**

### **1. Cơ sở pháp lý**

- Quyết định số 1938/QĐ-BCT ngày 20/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Mã; Quyết định số 3840/QĐ-BCT ngày 01/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Mã;
- Văn bản số 4354/UBND-CN ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đồng ý chủ trương giao cho Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh làm chủ đầu tư để triển khai dự án Thủy điện Xuân Minh, huyện Thường Xuân;
- Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Xuân Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Văn bản số 2903/EVN NPC-KĐDN ngày 20/7/2015 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc về chấp thuận mua điện của Dự án thủy điện Xuân Minh tỉnh Thanh Hóa;
- Văn bản số 7327/UBND-CN ngày 27/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận nội dung và triển khai dự án Thủy điện Xuân Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1661326561 ngày 04/8/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh;
- Văn bản số 732/SCT-MĐT ngày 28/7/2015 của Sở Công thương Thanh Hóa về kết quả tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án Thủy điện Xuân Minh;

- Quyết định số 25/2015/QĐ-HĐQT ngày 10/8/2015 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh về việc phê duyệt dự án và đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Xuân Minh;
- Văn bản số 109/SCT-MĐT ngày 13/01/2016 của Sở Công thương Thanh Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình Thủy điện Xuân Minh;
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 016 và 018/2016/HĐTDTDH-PS/SHB.110600 ngày 18/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB), Chi nhánh Thăng Long về việc tài trợ vốn cho dự án Thủy điện Xuân Minh;
- Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 19/01/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh về việc phê duyệt TKKT-TDT xây dựng công trình Thủy điện Xuân Minh;
- Giấy phép xây dựng số 3721/GPXD-SXD ngày 14/7/2016 của Sở Xây dựng Thanh Hóa cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh;
- Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thuê đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Thủy điện Xuân Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Quyết định số 2901/QĐ-BCT ngày 11/7/2016 của Bộ Công thương về việc phê duyệt, điều chỉnh bổ sung phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020;
- Văn bản số 12/08/2016 ngày 12/08/2016 của Tổng Công ty điện lực Miền Bắc về việc thỏa thuận phương án đầu nối Thủy điện Xuân Minh - Thanh Hóa;
- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 012598 ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

## **2. Đặc điểm công trình**

18. Dự án thủy điện Xuân Minh do Công ty cổ phần thủy điện Xuân Minh làm chủ đầu tư. Dự án được xây dựng trên sông Chu tại khu vực chảy qua địa phận các xã Xuân Cẩm và Xuân Cao, huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hoá. Sông Chu là phụ lưu lớn nhất của Sông Mã, bắt nguồn từ vùng núi cao hơn 2.000 m thuộc vùng tây bắc Sầm Nưa ở Lào, chảy theo hướng tây bắc - đông nam qua các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và đổ vào bờ phải sông Mã ở Ngã Ba Giàng, cách cửa sông 25 km. Sông Mã bắt nguồn từ vùng núi tây bắc Việt Nam thuộc tỉnh Lai Châu chảy qua tỉnh Sơn La, nước CHDCND Lào, tỉnh Nghệ An và tỉnh Thanh Hoá rồi đổ ra Biển Đông. Sông Mã có hai phụ lưu lớn là sông Chu và sông Bưởi, trong đó đáng kể là sông Chu có chiều dài 325 km phần trong lãnh thổ Việt Nam dài 160 km. Vị trí dự án cách thành phố Thanh Hóa khoảng 60 km về phía Tây Nam, cách trung tâm huyện Thường Xuân 3km về phía Nam - Tây Nam. Dự án thuộc bậc thang thủy điện Sông Chu, nằm dưới hạ lưu công trình thủy điện Cửa Đạt 7km, có tọa độ vị trí địa lý: 19o52'50" Vĩ Độ Bắc 105o20'08" Kinh Độ Đông

19. Thủy điện Xuân Minh có công suất lắp máy 15 MW, sản lượng điện trung bình năm khoảng 65,06 triệu kWh, thuộc loại thủy điện nhà máy sau đập, có hồ chứa điều tiết ngày. Các thông số chính: diện tích lưu vực đến tuyến chọn: 6.315 km<sup>2</sup>, lưu lượng bình quân năm  $Q_0$ : 122,2 m<sup>3</sup>/s; mực nước dâng bình thường MNDBT: 27,5m; mực nước chết: 27m; dung tích toàn bộ hồ chứa: 8,1 x10<sup>6</sup>m<sup>3</sup>; dung tích hữu ích: 7,39x10<sup>6</sup>m<sup>3</sup>; dung tích chết: 0,71 x10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>; diện tích mặt hồ ứng với mực nước dâng bình thường: 1,65 km<sup>2</sup>; lưu lượng lớn nhất qua nhà máy  $Q_{max}$ : 199,2 m<sup>3</sup>/s; lưu lượng đảm bảo  $Q_{đb}$ : 67,8 m<sup>3</sup>/s, chiều cao đập tràn: 25,2 m; chiều cao đập dâng: 13,4 m; cấp điện áp 35 kV. (Các thông số chính của công trình được thể hiện ở bảng I-1)

**Bảng I-1: Các thông số và chỉ tiêu chính của công trình Thủy điện Xuân Minh**

STT	Đặc điểm công trình	Đơn vị	Thông số
I	Đặc trưng lưu vực		
1	Diện tích lưu vực	km <sup>2</sup>	6315
2	Trong đó diện tích lưu vực trên đất Lào	km <sup>2</sup>	4817
3	Chiều dài sông chính	km	258
4	Độ rộng trung bình lưu vực	km	22,7
5	Lượng mưa trung bình năm	mm	1600
6	Lưu lượng trung bình năm $Q_0$	m <sup>3</sup> /s	122,2
7	Mô đun dòng chảy	l/s/km <sup>2</sup>	19,8
8	Tổng lượng mưa dòng chảy năm $W_0$	10 <sup>9</sup> m <sup>3</sup>	3,854
9	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với tần suất		
10	$Q_p = 0,01\%$ (lũ tần suất KT CĐ+KT khu giữa)	m <sup>3</sup> /s	11928
11	$Q_p = 0,1\%$ (lũ tần suất TK CĐ+TK khu giữa)	m <sup>3</sup> /s	8312
12	$Q_p = 0,5\%$ (lũ tần suất KT khu giữa)	m <sup>3</sup> /s	3534
13	$Q_p = 1,5\%$ (lũ tần suất TK khu giữa)	m <sup>3</sup> /s	3466
14	$Q_p = 5\%$	m <sup>3</sup> /s	3394
15	$Q_p = 10\%$	m <sup>3</sup> /s	3353
II	Hồ chứa		
1	Mực nước lũ kiểm tra (P=0,01%)	m	36.12
2	Mực nước lũ thiết kế (P=0,1%)	m	33,38
3	Mực nước lũ kiểm tra (P=0,5%)	m	29.18
4	Mực nước lũ thiết kế (P=1,5%)	m	29.13
5	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	27,5
6	Mực nước chết (MNC)	m	27,0
7	Dung tích toàn bộ $W_{tb}$	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	8,1
8	Dung tích hữu ích $W_{hi}$	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	0,71
9	Dung tích chết $W_c$	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	7,39
10	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	Km <sup>2</sup>	1,65

STT	Đặc điểm công trình	Đơn vị	Thông số
III	Lưu lượng qua nhà máy và cột nước		
1	Lưu lượng đảm bảo Q <sub>đb</sub>	m <sup>3</sup> /s	67,8
2	Lưu lượng max qua nhà máy Q <sub>max</sub>	m <sup>3</sup> /s	199.2
3	Cột nước lớn nhất H <sub>max</sub>	m	10,1
4	Cột nước nhỏ nhất H <sub>min</sub>	m	6,73
5	Cột nước tính toán H <sub>tt</sub>	m	8,5
IV	Mức nước hạ lưu max tại nhà máy		
1	Với lũ tần suất P = 0,01%	m	32,73
	Với lũ tần suất P=0,1%	m	30.39
	Với lũ tần suất P=0,5%	m	25.65
	Với lũ tần suất P=1,5%	m	25.56
2	Khi chạy với lưu lượng Q <sub>max</sub>	m	18,59
3	Khi chạy với Q <sub>min</sub> công suất 1 tổ máy	m	17,69
V	Công suất		
1	Công suất lắp máy N <sub>lm</sub>	MW	15
2	Công suất đảm bảo N <sub>đb</sub> tần suất 85%	MW	4,56
VI	Điện lượng		
1	Điện lượng trung bình năm E <sub>tb</sub>	106kWh	65,06
2	Điện lượng mùa khô (trung bình năm)	106kWh	35,78
3	Điện lượng mùa mưa (trung bình năm)	106kWh	29,28
4	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	giờ	4337
VII	Tổng mức đầu tư ( sau thuế )	109VNĐ	522,311
1	- Chi phí xây dựng	109VNĐ	215,345
2	- Chi phí thiết bị	109VNĐ	200,991
3	- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	109VNĐ	9,333
4	- Chi phí quản lý dự án	109VNĐ	5,290
5	- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	109VNĐ	22,095
6	- Chi phí khác của dự án	109VNĐ	34,155
	+ Chi phí khác	109VNĐ	6,953
	+ Chi phí lãi vay	109VNĐ	27,202
7	- Chi phí dự phòng	109VNĐ	35,102
VIII	Các chỉ tiêu kinh tế		
1	Vốn đầu tư thuần	109VNĐ	451,685
2	EIRR	%	13,88
3	B/C		1,34
4	NPV	109VNĐ	136,32
IX	Các chỉ tiêu tài chính ( 5,31 cent/kWh )		
1	Vốn đầu tư thuần	109VNĐ	451,685



STT	Đặc điểm công trình	Đơn vị	Thông số
2	FIRR	%	14,69
3	B/C		1.27
4	NPV	109VNĐ	143,8
5	Giá thành	đồng/kWh	936,16
6	Thời gian hoàn vốn	năm	12

### C. Mục tiêu của Kế hoạch phát triển DTTS

20. Chính sách WB OP4.10 đưa ra các yêu cầu mà bên vay cần đáp ứng để thực hiện các biện pháp bảo trợ cho Dân tộc thiểu số trong các dự án hỗ trợ bởi WB. Tài liệu bàn luận các mục tiêu và quy mô áp dụng, và nhấn mạnh các yêu cầu về: (i) quy trình đánh giá tác động xã hội và lập kế hoạch; (ii) chuẩn bị các báo cáo đánh giá tác động xã hội và các tài liệu lập kế hoạch; (iii) công bố thông tin và tiến hành tham vấn bao gồm cả việc đảm bảo có được sự đồng ý của cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đối với các hoạt động dự án được chọn; (iv) thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại, và (v) theo dõi giám sát và báo cáo. Các yêu cầu chính sách này sẽ bảo vệ quyền của dân tộc thiểu số được duy trì, và gìn giữ các bản sắc văn hóa, các hoạt động và môi trường sống của họ và để đảm bảo các dự án có ảnh hưởng đến họ sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ những quyền này.

21. Mục tiêu chung của EMDP này nhằm: (i) giảm thiểu và giảm nhẹ tác động của dự án đối với sinh kế của người dân tộc thiểu số trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án; (ii) đảm bảo quy trình thực hiện dự án thúc đẩy sự tôn trọng đầy đủ quyền con người, bản sắc văn hóa độc đáo, sự khác biệt của dân tộc thiểu số trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án, và ghi nhận những nhu cầu và nguyện vọng phát triển của họ; (iii) chỉ ra những tác động của dự án đối với người dân tộc thiểu số và tác động tiêu cực tiềm ẩn sẽ được phòng tránh hay giảm thiểu như thế nào; (iv) đảm bảo các lợi ích được thực hiện là phù hợp về mặt văn hóa; (v) đảm bảo các cộng đồng bị ảnh hưởng được tham vấn về các tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu, và họ có thể tham dự đầy đủ vào quá trình ra quyết định, thực hiện và giám sát; và (vi) đưa ra một kế hoạch thực hiện cụ thể có giới hạn thời gian; có bố trí ngân sách và thể chế, thiết lập vai trò và trách nhiệm của các cơ quan khác nhau trong việc thực hiện, giám sát và theo dõi tất cả các hoạt động nêu trong EMDP.

22. Do vậy, kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số nhằm (i) ghi lại quá trình tham vấn tự do trước và thông tin cho người dân tộc thiểu số tại các cộng đồng bị ảnh hưởng về các tác động của dự án và các biện pháp giảm thiểu theo Kế hoạch Tái định cư (RP) và EMDP trong giai đoạn thực hiện dự án, và chứng tỏ sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng; (ii) đưa ra khung tham gia và tham vấn để thực hiện EMDP; (iii) thiết lập các biện pháp chung để giảm thiểu hoặc xử lý các tác động dự án trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, được tài trợ thông qua RP và EMDP; và (iv) lập ngân sách để quản lý các rủi ro tiềm tàng về tác động dự án đã được dự báo trước cho giai đoạn thực hiện.



## II. KHUNG PHÁP LÝ CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DTTS

### A. Các văn bản pháp lý và chính sách quốc gia về cộng đồng người DTTS

23. Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2003 và 2013 quy định “Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo điều kiện cho các dân tộc phát triển trong xã hội văn minh, và tôn trọng lợi ích, văn hóa truyền thống, ngôn ngữ và phong tục tập quán của các dân tộc”

24. Khung luật pháp trong nước được cập nhật năm 2016 với một số văn bản liên quan đến công tác dân tộc thiểu số và chính sách hỗ trợ pháp lý tăng cường nhận thức pháp luật của người dân tộc thiểu số đặc biệt tại các huyện nghèo. Các văn bản pháp lý được tham khảo được nêu cụ thể tại Bảng II.1 dưới đây.

Bảng II-1: Các văn bản pháp lý của Chính phủ Việt Nam đối với người DTTS

Năm ban hành	Số tham chiếu và nội dung văn bản
2016	Thông báo số 1423/VPCP-KTTH ngày 04 tháng 7 năm 2016 về việc bổ sung đối tượng và kéo dài thời gian giải ngân vốn vay thực hiện theo các Quyết định 54/2012/QĐ-TTg, 29/QĐ-TTg và 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
2013	Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015
2013	Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn
2013	Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 4/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác DTTS đến năm 2020.
2013	Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược công tác dân tộc thiểu số đến năm 2020.
2013	Quyết định số 551/QĐ-TTg, ngày 04/04/2013 Chương trình 135 về hỗ trợ đầu

<b>Năm ban hành</b>	<b>Số tham chiếu và nội dung văn bản</b>
	tur cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn
2013	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012: <i>Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015</i>
	Quyết định số 2214/QĐ-TTg, ngày 18/11/2013 Phê duyệt Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
2012	1776/QĐ-TTg, ngày 21/11/2012. Phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020
2012	Quyết định 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số (DTTS) đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015
2012	Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg, ngày 24/12/2012 <i>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại xã nghèo giai đoạn 2013-2020</i>
2012	Quyết định số 1212/QĐ-TTg, ngày 05/9/2012: Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2015
2011	Quyết định số 1270/2011/QĐ-TTg, ngày 27/7/2011 Về việc phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc Việt Nam đến năm 2020"
2011	Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác Dân tộc thiểu số. Nghị định này mô tả các hoạt động của công tác Dân tộc thiểu số để đảm bảo và thúc đẩy tính bình đẳng, đoàn kết và tương trợ lẫn nhau để cùng phát triển và tôn trọng lẫn nhau và giữ gìn bản sắc dân tộc sinh sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2010	. Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg, ngày 29/11/2010: <i>Chính sách cho tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh</i>

<b>Năm ban hành</b>	<b>Số tham chiếu và nội dung văn bản</b>
	<i>Tây Nguyên</i>
2010	Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg của Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý để tăng cường nhận thức và hiểu biết về pháp luật về người dân tộc thiểu số nghèo tại các huyện nghèo trong giai đoạn 2011-2020.
2008	289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 Quyết định về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân
2008	<i>Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008: Nghị quyết về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.</i>
2007	Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 về chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc chương trình 135 giai đoạn II
2007	Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2020
2006	Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg, ngày 14/4/2006 Về điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học.

## **B. Chính sách và các Chương trình cho cộng đồng người DTTS**

25. Việc áp dụng các chính sách xã hội và kinh tế cho phù hợp với từng vùng, với mỗi dân tộc, có quan tâm tới nhu cầu của các nhóm dân tộc thiểu số, là một yêu cầu. Dưới đây mô tả cụ thể các chính sách đối với người DTTS như sau:

- *Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng bao gồm: Quyết định số 551/QĐ-TTg, ngày 04/04/2013: Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn. Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013: Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày*

8/10/2012: *Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015.*

- *Chính sách hỗ trợ an sinh xã hội: Theo quyết định số 29/2013/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013: Chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015. Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg, ngày 29/11/2010: Chính sách cho tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên. Quyết định số 2356/QĐ-TTg, ngày 04/12/2013 Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg, ngày 24/12/2012 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại xã nghèo giai đoạn 2013-2020. Quyết định số 2214/QĐ-TTg, ngày 18/11/2013 Phê duyệt Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.*
- *Chính sách hỗ trợ sinh kế, định canh, định cư đối với hộ đồng bào DTTS: Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 Quyết định về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân. Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008: Nghị quyết về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo. Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012: Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015. Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005: Về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây nguyên. Quyết định số 146/2005/QĐ-TTg: Về chính sách thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường để giao cho hộ dân tộc thiểu số nghèo. Quyết định 1776/QĐ-TTg, ngày 21/11/2012. Phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào DTTS giai đoạn 2007 – 2020.*
- *Chính sách về giáo dục, văn hóa: Quyết định số 267/2005/QĐ-TTg Chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú áp dụng rộng rãi trong cả nước. Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg, ngày 14/4/2006 Về điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học. Quyết định số 1270/2011/QĐ-TTg, ngày 27/7/2011 Về việc phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc Việt Nam đến năm 2020" Quyết định số 1212/QĐ-TTg, ngày 05/9/2012: Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2015 Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg, ngày*

18/08/2010 Về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020.

### C. Chính sách của Ngân hàng thế giới với cộng đồng người DTTS

26. Để đảm bảo quá trình phát triển thúc đẩy mọi mặt về nhân phẩm, nhân quyền và bản sắc văn hoá của các dân tộc bản địa. Đặc biệt hơn, là để đảm bảo các dân tộc bản địa không bị ảnh hưởng tiêu cực trong quá trình phát triển và họ nhận được những lợi ích phù hợp với văn hoá của họ. Ngân hàng Thế giới đã xây dựng, cập nhật và đã ban hành chính sách thực thi “OP 4.10 – Dân tộc bản địa”, để áp dụng cho tất cả các dự án được tài trợ bởi Ngân hàng thế giới mà có những ảnh hưởng nhất định đến người dân tộc bản địa.

27. Theo chính sách OP4.10 của Ngân hàng thế giới, các dự án đề xuất để được Ngân hàng Thế giới tài trợ có ảnh hưởng nhất định tới dân tộc thiểu số phải tuân theo các bước sau đây:

- **Sàng lọc** để xác định liệu có người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở đó hoặc có sự gắn bó tập thể tới khu vực dự án hay không;
- Nếu có người dân tộc thiểu số đang sinh sống, **Đánh giá xã hội** sẽ được thực hiện để xác định các ảnh hưởng tiềm ẩn tích cực và tiêu cực của dự án và để tiến hành sửa đổi thiết kế của dự án nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực và tăng lợi ích tích cực;
- **Quá trình tham vấn trước, người dân được cung cấp đầy đủ thông tin và tự do tham gia** cho cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng để xác định được quan điểm của người dân tộc thiểu số về dự án và để khẳng định rằng liệu dự án có nhận được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng hay không;
- **Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)** sẽ được chuẩn bị với sự tham vấn của cộng đồng, phác thảo các lợi ích mà cộng đồng sẽ nhận được từ dự án và cách thức giảm thiểu các tác động bất lợi; và **Công bố thông tin rộng rãi** kế hoạch.

28. Các qui định trên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm dân tộc thích ứng với các cơ hội tức là để tham gia thiết kế các hoạt động dự án có tác động tới họ; và để đảm bảo rằng các cơ hội cho những nhóm dân tộc đó đã tính tới các lợi ích phù hợp về văn hoá, phong tục tập quán; và để đảm bảo rằng bất kỳ tác động dự án nào có ảnh hưởng tiêu cực tới họ đều được tránh hoặc nếu không đều được giảm thiểu và giảm nhẹ.

29. Thuật ngữ “**Dân tộc bản địa**” sử dụng trong OP 4.10 của Ngân hàng thế giới được dùng theo nghĩa rộng để chỉ một nhóm văn hóa, xã hội, dễ bị tổn thương, khác biệt có các tính chất sau ở những mức độ khác nhau:

- Tự xác định mình là thành viên của một nhóm văn hóa riêng biệt và điều đó được các nhóm khác công nhận;

- Gắn bó tập thể tới môi trường sống riêng biệt về mặt địa lý và hoặc lãnh thổ của tổ tiên để lại nằm trong vùng dự án và cùng chung nguồn tài nguyên thiên nhiên trong những môi trường và lãnh thổ đó;
- Có các thể chế văn hóa, kinh tế, xã hội hay chính trị, phong tục tập quán riêng biệt khác với phong tục tập quán của xã hội và văn hóa chủ đạo; và
- Có ngôn ngữ riêng biệt, thường khác với ngôn ngữ chính thức của quốc gia hay của vùng.

30. Trong quá trình chuẩn bị kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số cho công trình thủy điện Xuân Minh, các chính sách về dân tộc thiểu số của Chính Phủ, của Ngân hàng Thế giới, và của địa phương đã được vận dụng kết hợp trong Kế hoạch Dân tộc thiểu số này để đảm bảo rằng cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực Công trình thủy điện Xuân Minh được tham vấn và cung cấp thông tin đầy đủ, được tham gia vào các giai đoạn triển khai thực hiện của công trình, được hưởng lợi từ công trình và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến văn hóa, kinh tế, xã hội.



### III. ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG DTTS VÙNG DỰ ÁN

#### A. Tổng quan về các DTTS tại khu vực dự án

##### 1. Giới thiệu chung

31. Công trình Thủy điện Xuân Minh nằm trên địa bàn huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Có 3 xã là Xuân Cao, Xuân Cẩm và Vạn Xuân chịu tác động trực tiếp của dự án. Tuy nhiên Xã Vạn Xuân chỉ bị ảnh hưởng đất sông suối do UBND xã quản lý, không ảnh hưởng đến đất đai của người dân.

32. Có ba dân tộc anh em chung sống tại huyện Thường Xuân là Thái, Kinh, Mường, dân tộc thiểu số chiếm trên 56,7% dân số toàn huyện. Dân tộc Thái là cộng đồng đông nhất ở Thường Xuân. Tùy thuộc vào các khu vực khác nhau trong huyện, sự phân bố của các dân tộc khác nhau, tại 2 xã vùng dự án người Thái chiếm số lượng lớn nhất.

33. 93% hộ dân chịu ảnh hưởng của dự án là người dân tộc thiểu số. Tại 2 xã vùng dự án, các hộ dân bị ảnh hưởng chủ yếu là dân tộc Thái. (Bảng III – 1).

**Bảng III-1: Các dân tộc bị ảnh hưởng trong phạm vi công trình**

Xã	Bản	Dân tộc	Số hộ BAH
Xuân Cao	Xuân Minh1	Thái	23
		Kinh	8
Xuân Cẩm	Xuân Minh	Thái	84
<b>Tổng số</b>			<b>115</b>

##### 2. Đặc điểm các DTTS sống tại các khu vực dự án

###### Dân tộc Thái

34. Người Thái có cội nguồn ở vùng Đông Nam Á lục địa, tổ tiên xa xưa của người Thái có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, sống tập trung tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An. Người Thái chiếm 6,2% dân số tỉnh Thanh Hóa. Người Thái ở Thanh Hóa có 2 nhánh là: Thái Trắng (Táy Dọ) và Thái Đen (Táy Đăm). Người Thái Trắng sống tập trung ở hai huyện Thường Xuân, Như Xuân và một số bản giáp huyện Triệu Sơn. Người Thái Đen chiếm đa số, sống tập trung ở các huyện Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh... Ngôn ngữ tiếng Thái thuộc nhóm ngôn ngữ Tày- Thái. Trang phục đồng bào Thái: Nam giới mặc âu phục, vải thổ cẩm. Phụ nữ mặc áo cóm, váy, khăn piêu, với lối trang sức truyền thống riêng rất đặc sắc. Người Thái ở nhà sàn, mỗi bản có từ 40-60 nóc nhà kê bên nhau. Bản của người Thái thường ở vùng thấp, gần nguồn nước, gần với sản xuất ruộng nước.

35. Người Thái có nhiều kinh nghiệm đắp phai, đào mương, dựng con, bắc máng lấy nước làm ruộng. Lúa nước là nguồn lương thực chính, đặc biệt là lúa nếp. Người Thái

cũng làm nương để trồng lúa, hoa màu và nhiều thứ cây khác. Từng gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm, đan lát, dệt vải, một số nơi làm đồ gốm... Sản phẩm nổi tiếng của người Thái là vải thổ cẩm, với những hoa văn độc đáo, màu sắc rực rỡ, bền đẹp.

36. Thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, truyện thơ, ca dao... là những vốn quý báu của văn học cổ truyền người Thái. Những tác phẩm thơ ca nổi tiếng của đồng bào Thái là: "Xông chụ xôn xao", "Khun Lú, Nàng Ủa". Người Thái sớm có chữ viết nên nhiều vốn cổ (văn học, luật lệ, dân ca) được ghi chép lại trên giấy bản và lá cây. Đồng bào rất thích ca hát, đặc biệt là khấp. Khấp là lối ngâm thơ hoặc hát theo lời thơ, có thể đệm đàn và múa. Nhiều điệu múa như múa xòe, múa sạp đã được trình diễn trên sân khấu trong và ngoài nước, hấp dẫn đông đảo khán giả. Hạn kuông, ném còn là hai đặc trưng văn hóa nổi tiếng của người Thái.

## **B. Kết quả điều tra kinh tế xã hội người DTTS bị ảnh hưởng bởi công trình**

### **1. Số hộ và dân tộc các hộ BAH**

37. Điều tra kinh tế - xã hội các hộ DTTS được tiến hành với 115/115 hộ bị ảnh hưởng trên địa bàn các xã: Xuân Cao, Xuân Cẩm cho thấy: Có 107 hộ bị ảnh hưởng (93% số hộ) là người DTTS Bảng III-1 cho thấy số hộ và dân tộc BAH của mỗi xã

**Bảng III-2: Số hộ và dân tộc các hộ BAH**

Xã	Thôn	Dân tộc		Tổng số hộ BAH
		Thái	Kinh	
Xuân Cao	Xuân Minh1	23	8	<b>31</b>
Xuân Cẩm	Xuân Minh1	84	0	<b>84</b>
<b>Tổng số</b>		<b>107</b>	<b>8</b>	<b>115</b>

### **2. Quy mô hộ gia đình và số lượng thành viên trong hộ**

38. Tổng số hộ DTTS bị ảnh hưởng do thu hồi đất của Dự án là 107 hộ với 495 nhân khẩu, trung bình mỗi hộ có 4,6 khẩu. Số hộ do phụ nữ DTTS làm chủ bị ảnh hưởng do thu hồi đất trên địa bàn là 13 hộ, chiếm 12%.

### **3. Ngành nghề chính của chủ hộ**

39. Trong số 107 hộ DTTS bị ảnh hưởng chỉ có 1 chủ hộ là giáo viên mầm non, 106 chủ hộ còn lại đều là nông dân có nguồn thu nhập chính là sản xuất nông nghiệp

### **4. Trình độ học vấn của các hộ BAH**

40. Trong số các hộ DTTS bị ảnh hưởng của 2 xã không có trường hợp mù chữ ở trẻ em và người lớn, tuy nhiên, trình độ học vấn của chủ hộ khá thấp. Theo kết quả khảo sát chỉ có 16 chủ hộ (13,9%) học hết PTTH, 38 chủ hộ học hết THCS (33,0%), 37 hộ (32,2%) học hết tiểu học, 24 hộ còn lại (20,9%) chưa học hết chương trình THCS. (Bảng III-2).

**Bảng III-3 Trình độ học vấn của chủ hộ được khảo sát theo xã bị ảnh hưởng**

Xã	Chưa học hết tiểu học	Học hết tiểu học	Học hết THCS	Học hết THPT	Tổng số
<b>Xuân Cao</b>	4	8	6	4	22
<b>Xuân Cẩm</b>	18	26	28	12	84
<b>Tổng số</b>	22	34	34	16	107

### 5. Nghề nghiệp và thu nhập

41. Trong số 107 hộ DTTS bị ảnh hưởng chỉ có 1 chủ hộ là giáo viên mầm non, 106 chủ hộ còn lại đều là nông dân có nguồn thu nhập chính là sản xuất nông nghiệp

42. Sản xuất nông nghiệp là nguồn thu nhập chính của các hộ khu vực dự án. Cây trồng cung cấp lương thực chính cho người dân là lúa. Ngô, sắn chủ yếu trồng để bán và chăn nuôi, Trung bình mỗi hộ dân có khoảng 500-100m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước cung cấp hàng năm khoảng 300kg thóc, 1500-2000m<sup>2</sup> trồng ngô, sắn, cho thu nhập 3-4 triệu đồng/năm. Ngoài ra bà con còn trồng mía cung cấp nguyên liệu cho nhà máy mía đường Lam Sơn. Thu nhập từ trồng mía khá cao, khoảng 40-50 triệu/ha, nhưng do quỹ đất hạn hẹp nên mỗi gia đình chỉ có 1500-4000m<sup>2</sup> trồng mía, cho thu nhập từ 6-24 triệu đồng/năm.

43. Hầu hết các hộ dân trong khu vực dự án đều chăn nuôi lợn gà, trâu, bò, gia cầm, ngoài việc dùng làm lương thực, thu nhập từ chăn nuôi của các hộ trung bình từ 3-15 triệu/năm

44. Một số hộ bị ảnh hưởng có đất trồng rừng (keo). Trồng keo 7 năm cho thu hoạch 60 triệu/ha.

45. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp chủ đạo, một số hộ gia đình được khảo sát tham gia các công việc mùa vụ dành cho lao động thủ công như làm nương rẫy, làm vườn, công nhân xây dựng. Thu nhập hàng ngày của công việc này là khoảng 100,000-200,000 đồng, tùy thuộc vào công việc cụ thể.

46. Thu nhập của các hộ dân thuộc các xã miền núi phía Bắc Trung Bộ nói chung cũng như thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng trong vùng dự án nói riêng khá thấp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng xã Xuân Cẩm cao hơn thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng xã Xuân Cao do họ có trình độ cao hơn, họ tính toán, thu xếp công việc tốt hơn. Bảng thu nhập bình quân của các hộ BAH dưới đây cung cấp thông tin chi tiết về thu nhập bình quân của các hộ được khảo sát tại các xã bị ảnh hưởng bởi công trình.

**Bảng III-4: Thu nhập bình quân của các hộ BAH**

Xã	Thu nhập bình quân/năm			Tổng
	10-20 triệu đồng	20-40 triệu đồng	>40 triệu đồng	
Xuân Cao	3	20	0	23
Xuân Cẩm	8	70	6	84
<b>Tổng số</b>	<b>11</b>	<b>98</b>	<b>6</b>	<b>107</b>

47. Chi phí của các hộ phục vụ nhu cầu hàng ngày thay đổi tùy theo thu nhập. Chi phí chính thường bao gồm thực phẩm, quần áo, điện nước, học phí, chăm sóc y tế và chi phí đi lại. Chi phí cho sinh hoạt của các hộ BAH xã Xuân Cẩm cao hơn các hộ BAH xã Xuân Cao do thu nhập của họ cao hơn. Chi tiết các khoản chi tiêu trong gia đình được trình bày trong Bảng III-5.

**Bảng III-5 Chi tiêu trung bình hàng tháng của hộ khảo sát (tỷ lệ%)**

STT	Chi tiêu hàng tháng	Xuân Cao (đồng)	Tỷ lệ (%)	Xuân Cẩm (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Lương thực (gạo, ngô, sắn...)	600.000	19,4	600.000	15,2
2	Thực phẩm	800.000	25,8	1.100.000	27,8
3	Quần áo	100.000	3,2	250.000	6,3
4	Các tiện ích (điện, điện thoại, internet)	250.000	8,1	350.000	8,9
5	Chi phí đi lại (xăng dầu, bảo dưỡng xe máy)	150.000	4,8	150.000	3,8
6	Đồ đạc vật dụng	200.000	6,5	300.000	7,6
7	Giáo dục (tất cả các cấp từ mẫu giáo đến đại học và dạy nghề)	250.000	8,1	300.000	7,6
8	Chăm sóc sức khỏe	200.000	6,5	250.000	6,3
9	Ma chay, hiếu hỉ	200.000	6,5	200.000	5,1
10	Lễ tết	150.000	4,8	200.000	5,1
11	Chi khác	200.000	6,5	250.000	6,3
<b>12</b>	<b>Tổng chi phí cho mỗi hộ gia đình</b>	<b>3.100.000</b>	<b>100,0</b>	<b>3.950.000</b>	<b>100,0</b>
<b>13</b>	<b>Mức chi tiêu bình quân đầu người</b>	<b>673.913</b>		<b>858.696</b>	

### 6. Cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội

48. Các thôn bị ảnh hưởng nằm ở vị trí khá thuận lợi về giao thông. Các thôn bị ảnh hưởng đều nằm cạnh đường giao thông liên xã. Từ thôn Xuân Minh, xã Xuân Cẩm đến đường Tỉnh lộ 519 là 2,5 km. Khoảng cách từ Thôn Xuân Minh 1, xã Xuân Cao đến đường Hồ Chí Minh là 10Km. Đường từ trung tâm xã đến các thôn bị ảnh hưởng đều đã được bê tông hóa.

49. Tại các thôn bị ảnh hưởng đều có mạng lưới điện Quốc gia, 100% số hộ bị ảnh hưởng đều sử dụng điện làm năng lượng thắp sáng,

50. Đối với nguồn năng lượng cho nấu ăn hàng ngày, hầu hết các hộ sử dụng củi làm nguồn năng lượng chính

51. 100% các hộ bị ảnh hưởng sử dụng nước sinh hoạt từ giếng đào.

### 7. Điều kiện vệ sinh và môi trường

52. Vấn đề vệ sinh môi trường chưa được bà con quan tâm, do nhận thức của họ về bảo vệ môi trường còn thấp. Theo kết quả khảo sát, 10 hộ DTTS BAH có nhà vệ sinh kiên cố, 81 hộ có nhà vệ sinh tạm, 6 hộ chưa có nhà vệ sinh.

53. Tại các xã vùng dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý rác thải, rác thải thường được người dân đốt hoặc đào hố chôn trong vườn.

### 8. Hệ thống giáo dục

54. Theo số liệu thống kê năm 2016, xã Xuân Cao có 1 trường mầm non, 2 trường tiểu học, 1 trường trung học cơ sở, xã Xuân Cẩm có 1 trường mầm non, 2 trường tiểu học và 1 trường THCS. Ngoài ra tại các thôn đều có 1 lớp mẫu giáo. Ở lứa tuổi mầm non, các thôn

đều có lớp học cắm thôn, với các lớp tiểu học và THCS, các trường học tập trung ở khu vực trung tâm xã, cách các thôn bị ảnh hưởng khoảng 7km. Để đến trường PTT, các em học sinh phải đến trung tâm huyện với khoảng cách 7km. Bảng III-6 cung cấp thông tin về số lượng trường học xã Xuân Cao và Xuân Cẩm.

**Bảng III-6: Số lượng trường học các cấp xã Xuân Cao và Xuân Cẩm**

Xã	Mẫu giáo	Tiểu học	THCS	Tổng số
Xuân Cao	1	2	1	3
Xuân Cẩm	1	2	1	3

### 9. Dịch vụ y tế

55. Các xã trong vùng dự án đều có trạm y tế đặt ở trung tâm xã. Bà con thường đến trạm y tế để được chăm sóc y tế đơn giản như tiêm chủng, cung cấp vitamin, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và điều trị thuốc cho bệnh thông thường (cảm lạnh, đau đầu, dạ dày). Với các nhu cầu điều trị quan trọng hơn, họ sẽ đưa đến Bệnh viện huyện hoặc bệnh viện tỉnh.

### 10. Các vấn đề giới, bình đẳng giới

56. Tại địa bàn các xã vùng dự án bình đẳng giới đã được quan tâm hơn, tỷ lệ trẻ em gái người Kinh cũng như người Thái đến trường đã tăng cao hơn, tất cả các em gái trong độ tuổi đều được đến trường, chương trình phổ cập giáo dục THCS đã hoàn thành, 100% trẻ em nam và nữ trong độ tuổi đã được phổ cập giáo dục cấp THCS.

57. Không phân biệt giới tính, hầu hết người dân tộc Thái tại các xã ảnh hưởng đến trung tâm y tế xã để chữa trị các bệnh ốm thông thường và trong trường hợp không nghiêm trọng, các bệnh nặng hơn họ có thể đến bệnh viện huyện hoặc tỉnh. Các hộ nghèo được hưởng lợi từ chương trình cấp thẻ bảo hiểm y tế.

58. Trong lao động và việc làm, thời gian tạo thu nhập của phụ nữ và nam giới là như nhau, tuy nhiên phụ nữ giành thời gian nhiều hơn đàn ông trong công việc nhà, điều này nhìn chung làm người phụ nữ chịu gánh nặng công việc không cân bằng.

59. Do được tuyên truyền, giáo dục, hiện nay phụ nữ dân tộc Thái tại các xã vùng dự án đã được bình đẳng hơn, họ tham gia nhiều hơn vào các công tác xã hội, có quyền tham gia quyết định các việc quan trọng trong nhà hay tham gia các tổ chức ở địa phương. Tại các xã vùng dự án vợ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động do chồng thường đi làm nương làm rẫy ở xa.

**Bảng III-7: Phân bổ lao động trong gia đình theo giới ở các hộ bị ảnh hưởng**

	Chồng	Vợ
Công việc ngoài việc làm ở nhà	(%)	(%)
Làm ruộng	50	50
Làm nương, vườn rừng	70	30
<b>Công việc trong gia đình</b>		
Chăm sóc trẻ	30	70
Nấu nướng	30	70
Dọn dẹp nhà cửa	40	60

<b>Tham gia các công việc cộng đồng</b>		
Tham dự các cuộc họp cộng đồng	30	70
Tham gia vào việc ra quyết định	50	50
Gia nhập các tổ chức địa phương	50	50

## IV. PHỔ BIẾN THÔNG TIN VÀ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

### A. Phổ biến thông tin

60. Theo chính sách của Ngân hàng thế giới về dân tộc thiểu số, Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh cùng nhóm tư vấn phối hợp với Hội đồng BTHT và TĐC huyện Sông Mã để thực hiện việc công bố thông tin về khung chính sách đã được phê duyệt của dự án về DTTS và TĐC, Kế hoạch hành động tái định cư và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số do Bộ Công thương và Ngân hàng thế giới thông qua. Báo cáo kế hoạch tái định cư và Báo cáo phát triển DTTS sẽ được dịch ra tiếng Việt để dễ hiểu hơn và giúp cho việc thực hiện kế hoạch phát triển DTTS và áp dụng các chính sách đền bù và tái định cư cho người bị ảnh hưởng được thuận lợi. Danh sách các hộ bị ảnh hưởng do mất đất và tài sản trên đất và các khoản đền bù phải được thể hiện rõ ràng.

61. Tổ chức tham vấn cộng đồng được tiến hành nhiều lần để phổ biến thông tin và giới thiệu về dự án cho những người bị ảnh hưởng, cộng đồng DTTS tại các xã vùng dự án. Cộng đồng dân tộc thiểu số, người bị ảnh hưởng được thông báo cặn kẽ về các kế hoạch thực hiện cho người DTTS, các hoạt động tái định cư, bao gồm: (i) các nội dung trong buổi tham vấn cộng đồng về công trình, kế hoạch thực hiện, kế hoạch giải phóng mặt bằng và kế hoạch xây dựng, (ii) điều tra và kiểm đếm chi tiết, (iii) danh sách chính thức và hợp lệ những người bị ảnh hưởng và quyền lợi của họ, (iv) khối lượng và đơn giá đền bù, (v) kế hoạch chi trả đền bù và các hỗ trợ khác, và (vi) các vấn đề khác như khung chương trình phục hồi thu nhập cho người bị ảnh hưởng, cơ chế khiếu nại, giám sát và đánh giá.v.v. Các thông báo và tài liệu liên quan phải được niêm yết tại trụ sở UBND các xã ảnh hưởng/hoặc nhà văn hóa hoặc dán ở những nơi dễ quan sát. Tờ thông tin dự án (PIB) được phát cho các hộ bị ảnh hưởng và sẵn có tại UBND xã, nhà văn hoá thôn, bản.

### B. Tham vấn cộng đồng và sự tham gia

62. Buổi họp tham vấn với cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng được thực hiện tháng 2 năm 2017 để đánh giá nhu cầu của cộng đồng về phục hồi sinh kế và đảm bảo rằng những phản ánh từ phía cộng đồng dân tộc địa phương sẽ được thể hiện trong Báo cáo phát triển dân tộc thiểu số.

63. Các công cụ sử dụng trong tham vấn cộng đồng bao gồm tổ chức họp, phỏng vấn các cá nhân và thảo luận nhóm. Người dân ở các thôn bị ảnh hưởng đều sẵn sàng thảo luận và chia sẻ thông tin. Phụ nữ và thanh niên được mời tham gia và khuyến khích đóng góp ý kiến, đặc biệt là các nhóm dân tộc thiểu số ở các xã bị ảnh hưởng đều được tham vấn. Các nhóm dân tộc thiểu số tại các vùng dự án đều có các tổ chức đại diện của họ làm cầu nối với các tổ chức như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Thanh niên cấp xã và cấp thôn.



### C. Kết quả phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng

64. Các cuộc tham vấn của RP và EMDP giữa đại diện Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, nhóm tư vấn và cộng đồng dân địa phương được thực hiện trong suốt quá trình khảo sát. Dưới đây là những ý kiến đóng góp và nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số về công trình thủy điện Xuân Minh .

65. Các cuộc tham vấn của RP và EMDP giữa nhóm tư vấn và cộng đồng dân địa phương được thực hiện trong quá trình kiểm đếm thiệt hại. Dưới đây là những ý kiến đóng góp và nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số về dự án.

**Bảng IV-1: Ý kiến của các hộ dân BAH và cam kết của chủ đầu tư**

STT	Ý kiến của các hộ dân BAH	Cam kết của chủ đầu tư
	<p>Trong quá trình thi công làm đất đá rơi xuống ruộng, tôi không canh tác được</p> <p>Quá trình thi công đường điện làm gãy bờ rào của gia đình chưa được đền bù</p> <p>Tôi có khu đất ruộng ở gần miệng cống bị ngập nước không canh tác được</p> <p>Quá trình thi công gây bụi nhiều ô nhiễm không khí.</p> <p>Ruộng mía của tôi khu vực miệng cống bị ngập, thối.</p>	<p>Tuần tới chúng tôi sẽ gặp gỡ với bà con và kiểm tra trực tiếp, nếu xảy ra thiệt hại sẽ đền bù đầy đủ cho bà con.</p> <p>Chúng tôi sẽ làm lại công ngầm nâng cao khả năng chống ngập úng</p> <p>Chúng tôi đang chuẩn bị nắn dòng sông để thi công nên ruộng sẽ bị ngập. Sau khi dự án hoàn thành dòng chảy ổn định sẽ không ảnh hưởng đến canh tác của bà con. Các thiệt hại sẽ được thống kê và đền bù đầy đủ</p> <p>Trong quá trình xây dựng sẽ có ảnh hưởng tạm thời, chúng tôi sẽ cố gắng áp dụng các biện pháp giảm thiểu, mong bà con thông cảm</p>
	<p>Đề nghị chủ đầu tư hỗ trợ chương trình nuôi cá lồng ven sông để cải thiện đời sống của bà con</p>	<p>Chủ đầu tư xin ghi nhận và đã xây dựng phương án đền bù, báo cáo tái định cư, báo cáo dân tộc thiểu số để hỗ trợ bà con phương kế sinh nhai và sớm ổn định cuộc sống cho bà con</p>
	<p>Hệ thống nước sinh hoạt của nhà văn hóa, lớp mầm non thôn Xuân Minh - xã Xuân Cẩm đang xuống cấp, đề nghị chủ đầu tư hỗ trợ khoan giếng cấp nước sinh hoạt cho các cháu</p> <p>Tuyến đường đến hết thôn là đường đất, đề nghị công ty tận dụng đất đá thải nâng cấp đường tuyến đường đến hết thôn</p>	<p>Chúng tôi sẽ thực hiện hỗ trợ dần cho bà con khi ổn định thi công.</p> <p>Sau khi có đất đá, chúng tôi sẽ triển khai nâng cấp đường phục vụ đi lại cho bà con</p>

STT	Ý kiến của các hộ dân BAH	Cam kết của chủ đầu tư
	Xuân Minh - xã Xuân Cẩm và tuyến đường 800m từ giáp đường liên xã đến Ngón Hô (đường nội thôn) Thôn Xuân Minh 1 xã Xuân Cao	

Tóm tắt nguyện vọng của các hộ BAH:

- Các hộ dân đều mong muốn hỗ trợ các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi cá lồng để cải thiện thu nhập.
- Các hộ dân có nguyện vọng cải thiện hệ thống đường giao thông nông thôn của thôn Xuân Minh và Xuân Minh 1, tiếp đến là cải thiện hệ thống cung cấp nước của nhà văn hóa thôn Xuân Minh. Các hộ BAH thôn Xuân Minh 1 mong muốn được hỗ trợ xây dựng lại nhà văn hóa thôn mới bị đổ.

## V. ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH ĐẾN NGƯỜI DTTS

66. Để chuẩn bị cho việc xây dựng công trình thủy điện Xuân Minh, nhiều cuộc họp tham vấn với chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan cũng như người dân địa phương đã được tổ chức với mục đích phổ biến các thông tin và các hoạt động liên quan đến công trình từ giai đoạn chuẩn bị, thiết kế, xây dựng đến giai đoạn vận hành. Qua đó, chủ đầu tư công trình thủy điện Xuân Minh, chính quyền địa phương và người dân có thể xác định được các tác động tiềm tàng do các hoạt động của công trình gây ra trong quá trình triển khai thực hiện bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến đời sống và văn hóa của người DTTS tại khu vực xây dựng công trình.

### A. Các tác động tích cực

67. Công trình thủy điện Xuân Minh là công trình có qui mô với nhiều hạng mục phụ trợ được xây dựng để đáp ứng cho việc vận hành hiệu quả, do đó việc xây dựng Công trình thủy điện Xuân Minh sẽ có nhiều tác động tích cực và mang ý nghĩa đối với đời sống sản xuất cũng như hoạt động văn hóa xã hội của người dân tại khu vực của công trình và các vùng lân cận. Cụ thể các tác động tích cực được mô tả chi tiết như bảng V-1 dưới đây.

**Bảng IV-2: Các tác động tích cực của công trình thủy điện**

<b>Ảnh hưởng tích cực</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Quy mô ảnh hưởng</b>
1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chủ động phòng chống lũ quét... Chống sạt lở, ngập úng ...</li><li>- Giảm khô hạn, tăng diện tích tưới</li></ul>	- Xã Xuân Cao, Xuân Cẩm là xã được hưởng lợi từ dự án.
2. Cải thiện điều kiện sinh hoạt cho vùng dự án	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng.</li><li>- Cung cấp và bổ sung nguồn điện lưới điện quốc gia...</li><li>- Tuyến đường liên xã từ Đường mòn Hồ Chí Minh vào khu vực dự án được nâng cấp, các tuyến đường liên thôn được hỗ trợ cải tạo tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt và đi lại hàng ngày của</li></ul>	- Hồ chứa rộng 165 ha, dung tích 8,1 triệu m <sup>3</sup> ; Công suất máy 15MW, hàng năm cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia 65,06x10 <sup>6</sup> kWh

Ảnh hưởng tích cực	Mô tả	Quy mô ảnh hưởng
	người dân vùng dự án	
3. Tạo thêm công ăn việc làm cho người dân địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo cơ hội việc làm cho lao động phổ thông của địa phương, đặc biệt là các hộ trực tiếp bị ảnh hưởng trong giai đoạn thi công, xây dựng.</li> <li>- Tăng cơ hội việc làm cho cư dân địa phương khi dự án đi vào hoạt động và vận hành.</li> <li>- Cung cấp các dịch vụ cho các nhà thầu và chủ đầu tư.</li> <li>- Phát triển dịch vụ ăn uống, các cơ hội việc làm mới cho người dân địa phương.</li> <li>- Vùng lòng hồ tạo điều kiện cho các hộ dân nuôi Cá lồng trên sông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo công ăn việc làm cho khoảng 100 công nhân trong thời gian thi công tại khu vực dự án, 3-5 công nhân vận hành khi nhà máy đi vào hoạt động</li> </ul>
4. Đóng góp tích cực vào các phong trào phát triển của địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng thu nhập và đóng góp cho ngân sách địa phương.</li> <li>- Bổ sung nguồn điện sinh hoạt và điện sản xuất ổn định cho địa phương.</li> <li>- Tiền điện thu được hàng năm góp phần vào việc tăng thu nhập và đóng góp nguồn ngân sách cho địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huyện Thường Xuân Xã Xuân Cao, Xuân Cẩm là xã được hưởng lợi từ dự án được hưởng lợi từ dự án.</li> </ul>
5. Ảnh hưởng khác ...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu hút đầu tư</li> <li>- Tăng cường khả năng truyền thông...</li> <li>- Tăng cơ hội giao lưu văn hóa giữa các địa phương.</li> <li>- Giao thông thuận lợi, điện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huyện Thường Xuân Xã Xuân Cao, Xuân Cẩm là xã được hưởng lợi từ dự án</li> </ul>

<b>Ảnh hưởng tích cực</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Quy mô ảnh hưởng</b>
	năng phát triển thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn, thu hút được nhiều dự án đầu tư.	

### **B. Các tác động tiêu cực**

68. Bên cạnh những tác động tích cực, Công trình thủy điện Xuân Minh được triển khai xây dựng sẽ có những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân, đặc biệt là người DTTS tại khu vực của công trình. Vì vậy, tại các cuộc họp tham vấn và phỏng vấn sâu với chính quyền cũng như người dân địa phương, các tác động tiêu cực đã được xem xét và thảo luận rất kỹ càng nhằm xác định đúng và đủ các tác động từ giai đoạn chuẩn bị cho đến giai đoạn vận hành.

69. Nhìn chung, Công trình thủy điện Xuân Minh không có những ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa của người DTTS, đặc biệt là những ảnh hưởng liên quan đến phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo và mối liên kết thôn bản. Theo như kết quả điều tra thiệt hại cho thấy khi xây dựng công trình không ảnh hưởng đến nhà cửa, ảnh hưởng ít đến các vật kiến trúc của các hộ dân, không có hộ nào phải di dời. Tuy nhiên, để đảm bảo đời sống cho các hộ trong khu vực công trình, các tác động nhỏ nhất cũng phải được tính đến và xem xét cụ thể trong suốt quá trình chuẩn bị, thông qua các cuộc họp tham vấn và thảo luận nhóm với địa phương. (Xem mô tả chi tiết các tác động tiêu cực tại bảng V-2).

**Bảng IV-3: Các tác động tiêu cực của công trình thủy điện Xuân Minh**

<b>Ảnh hưởng tiêu cực</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Quy mô ảnh hưởng</b>
Ảnh hưởng đến thu nhập, sinh kế của người dân	- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn 1.685.270,40 m <sup>2</sup> đất các loại ảnh hưởng đến sản xuất/việc làm và sinh kế/nguồn thu nhập của người dân.	- 115 hộ gia đình các xã Xã Xuân Cao, Xuân Cẩm Trong đó có 107 hộ DTTS).
Ảnh hưởng tạm thời đến các hoạt động sản xuất của người dân	- Trong quá trình thi công có thể bị ảnh hưởng và làm gián đoạn đến nguồn điện, giao thông đi lại của người dân và cộng đồng địa phương. - Trong quá trình thi công	Khu vực dự án thuộc các xã Xã Xuân Cao, Xuân Cẩm.

Ảnh hưởng tiêu cực	Mô tả	Quy mô ảnh hưởng
	<p>có thể ảnh hưởng đến sản xuất của người dân do hoạt động nổ mìn, san ủi tại công trường và sạt lở do đất đá lăn khi thi công.</p>	
Ô nhiễm môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong giai đoạn thi công, xe chở vật liệu đi lại nhiều sẽ gây bụi bặm cho khu vực dự án.</li> <li>- Tình trạng nổ mìn để san lấp mặt bằng cũng gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tuyến đường có xe chở vật liệu đi qua.</li> <li>- Khu vực dự án và vùng lân cận có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi hoạt động nổ mìn.</li> </ul>
Ảnh hưởng đến văn hóa bản địa và an ninh xã hội của cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong giai đoạn thi công, lượng công nhân đến nhiều có thể ảnh hưởng đến văn hóa bản địa trong quan hệ giao tiếp với cộng đồng.</li> <li>- Lán trại công nhân của các nhà thầu tại công trường có nguy cơ ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương.</li> <li>- Các hoạt động văn hóa của công nhân có thể ảnh hưởng đến văn hóa bản địa.</li> </ul>	<p>Khu vực dự án thuộc các xã Xã Xuân Cao, Xuân Cẩm.</p>
Ảnh hưởng đến tập quán sinh hoạt của người dân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm thay đổi thói quen, phong tục tập quán của người dân tộc.</li> <li>- Dễ bị du nhập các văn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng dân cư 2 xã BAH</li> </ul>

Ảnh hưởng tiêu cực	Mô tả	Quy mô ảnh hưởng
	<p>hóa đòi truy không phù hợp với nếp sống của người dân địa phương.</p>	
<p>Nguy cơ xảy ra tai nạn lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong giai đoạn thi công có thể xảy ra tai nạn lao động nếu không tuân thủ đúng quy định về an toàn lao động tại công trường.</li> <li>- Hoạt động nổ mìn...</li> <li>- Quá trình vận chuyển vật liệu để thi công công trình có thể gây ra những tai nạn trên đường vận chuyển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trường xây dựng và các tuyến đường có xe chở vật liệu đi qua.</li> </ul>
<p>Nguy cơ xảy ra tình trạng buôn bán phụ nữ, lây nhiễm HIV/AIDS, các tệ nạn xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nhân công trường tập trung đông người có thể xảy ra các tệ nạn xã hội, như bài bạc, buôn bán ma túy, trộm cắp và nạn buôn bán phụ nữ/trẻ em, nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trường xây dựng và khu dân cư lân cận.</li> </ul>
<p>Công nhân nơi khác đến có nguy cơ trộm cắp, cờ bạc và nghiện ngập, buôn bán ma túy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án triển khai có một bộ phận cán bộ, công nhân đến địa bàn sinh sống và làm việc do vậy dễ nảy sinh một số tệ nạn như trộm cắp, cờ bạc, ma túy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trường xây dựng và khu dân cư lân cận.</li> </ul>

## VI. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU VÀ PHÁT TRIỂN DTTS

70. Dựa trên các tác động tiềm tàng đã được xác định bao gồm cả ảnh hưởng tích cực và tiêu cực, chủ đầu tư Công trình thủy điện Xuân Minh cùng với chính quyền địa phương, người dân trong khu vực dự án đã sàng lọc và tính toán để xây dựng các biện pháp giảm thiểu đối với các tác động tiêu cực và các biện pháp duy trì, nâng cao đối với các tác động tích cực nhằm khắc phục và hỗ trợ tối đa cho những người bị ảnh hưởng bởi công trình sớm phục hồi điều kiện sống ít nhất bằng như trước khi có công trình.

### A. Các biện pháp giảm thiểu

71. Để đảm bảo an sinh đời sống cho các hộ đặc biệt là các hộ DTTS, các tác động nhỏ nhất cũng cần phải được xem xét kỹ lưỡng và theo đó xây dựng các biện pháp giảm thiểu tương ứng, phù hợp với điều kiện thực tế và đạt được sự đồng thuận giữa các bên liên quan. Bảng VI-1 dưới đây mô tả chi tiết những biện pháp giảm thiểu đã được thống nhất tại các cuộc họp tham vấn, thảo luận nhóm với địa phương trong quá trình chuẩn bị cho công trình thủy điện Xuân Minh .

**Bảng VI-1: Các biện pháp giảm thiểu**

Ảnh hưởng tiêu cực	Biện pháp giảm thiểu	Đơn vị thực hiện
Chiếm dụng sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến sinh kế của người dân	Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ, sinh kế và phục hồi thu nhập cho các hộ BAH.	Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh; Hội đồng đền bù, hỗ trợ huyện Thường Xuân; Các cơ quan chuyên môn, các đoàn thể xã hội các xã bị ảnh hưởng
Ảnh hưởng đến tập quán sinh hoạt của người dân	Quản lý chặt chẽ các công nhân xây dựng của nhà thầu thực hiện theo qui định cụ thể để không làm ảnh hưởng đến đời sống người dân. Vận chuyển vật liệu chỉ được sử dụng những tuyến đường đã đăng ký với địa phương và phải thực hiện duy tu bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo giao thông không bị gián	Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, các Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát



<b>Ảnh hưởng tiêu cực</b>	<b>Biện pháp giảm thiểu</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	<p>đoạn.</p> <p>Đối với những hoạt động thi công gần khu dân cư, phải được bố trí thời gian hợp lý tránh ảnh hưởng đến đời sống của người dân.</p> <p>Các công trình công cộng bị ảnh hưởng, phải hoàn thành việc xây dựng công trình thay thế trước khi triển khai di dời, phá dỡ</p>	
<p>Ảnh hưởng tạm thời đến các hoạt động sản xuất của người dân</p>	<p>Thời gian thi công sẽ được báo trước cho người dân và chỉ thực hiện san, gạt sau khi người dân đã thu hoạch xong hoa màu.</p> <p>Các nhà thầu sẽ được huy động tối đa để rút ngắn thời gian xây dựng công trình, giảm thiểu thời gian gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của cộng đồng.</p> <p>Nơi tập kết vật liệu xây dựng, máy móc được quy hoạch xa khu dân cư. Các quy định về việc cất trữ và bảo quản vật liệu được thực hiện nghiêm chỉnh, tránh những sự cố, tai nạn, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân.</p> <p>Việc san ủi phải được thực hiện theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Việc giám sát các hoạt động san ủi phải được thực hiện chặt chẽ nhằm hạn chế tối đa đất đá rơi xuống ruộng của người dân.</p> <p>Thực hiện đúng theo các biện pháp thi công đã được phê duyệt.</p>	<p>Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, và các Nhà thầu thi công</p>
<p>Ô nhiễm môi trường</p>	<p>Các xe chở nguyên vật liệu phải được che chắn cẩn thận tránh rơi vãi vật liệu, ảnh hưởng đến người dân, nhất là các hộ sống dọc hai ven đường vận hành.</p> <p>Các xe chuyên chở phải tránh vận chuyển</p>	<p>- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát, Chính quyền</p>

<b>Ảnh hưởng tiêu cực</b>	<b>Biện pháp giảm thiểu</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	<p>trong khu vực dân cư vào giờ nghỉ nhằm giảm thiểu tiếng ồn, thường xuyên phun nước hạn chế tình trạng ô nhiễm khói bụi trên các đoạn đường vận hành có dân cư sinh sống.</p> <p>Các nguyên vật liệu, xăng dầu phải được bảo quản cẩn thận tránh tình trạng cháy nổ, rò rỉ hay bị lũ cuốn làm ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân.</p> <p>Sau khi hoàn thành công trình, các bãi thải, khu vực xây dựng... được san lấp hoàn trả lại mặt bằng, đầm nén lớp đất bề mặt, sau đó được trồng phủ cây xanh lên trên bề mặt để tránh xói mòn, rửa trôi.</p>	địa phương
Ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân	<p>Các quy chế quản lý công nhân phải được thực hiện nghiêm chỉnh. Các hoạt động quản lý công nhân phải được phối hợp chặt chẽ giữa nhà thầu và công an địa phương cùng các đơn vị liên quan.</p> <p>Các công nhân phải được tuyên truyền giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường và ý thức tôn trọng các giá trị văn hóa của người bản địa.</p> <p>Nơi ở, lán trại của công nhân xây dựng phải được quy hoạch riêng biệt, không để công nhân ở lẫn với các gia đình người dân tại cộng đồng.</p>	Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, Chính quyền các xã, đặc biệt là công an.
Nguy cơ xảy ra tai nạn lao động	<p>Nơi tập kết vật liệu, máy móc phải được đặt ở xa khu dân cư và được giám sát chặt chẽ để tránh các nguy cơ có thể gây ra tai nạn.</p> <p>Người dân địa phương và công nhân công trình phải được tuyên truyền giáo dục về ý</p>	- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, Nhà thầu thi công

<b>Ảnh hưởng tiêu cực</b>	<b>Biện pháp giảm thiểu</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	<p>thức phòng ngừa tai nạn lao động.</p> <p>Các công nhân được tuyển dụng, nhất là các lao động phổ thông của địa phương phải được đào tạo các kỹ năng cần thiết và các yêu cầu về đảm bảo an toàn lao động.</p> <p>Công nhân phải được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết và phải được mua bảo hiểm lao động</p>	
<p>Nguy cơ xảy ra tình trạng buôn bán phụ nữ, trẻ em, lây nhiễm HIV/AIDS, các tệ nạn xã hội</p>	<p>Người dân địa phương và công nhân xây dựng trên địa bàn dự án phải được tuyên truyền về nguy cơ cũng như các biện pháp phòng chống HIV/AIDS, buôn bán phụ nữ và các tệ nạn xã hội khác</p>	<p>Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh phối hợp với chính quyền xã, công an, các hội phụ nữ</p>

### **B. Các biện pháp phát triển DTTS**

72. Qua các phát hiện từ khảo sát thực tế và nội dung trao đổi với các cơ quan liên quan và tham vấn người dân địa phương tại vùng ảnh hưởng của Công trình thủy điện Xuân Minh được thực hiện trong tháng 12/2015, bên cạnh các biện pháp giảm thiểu được đề xuất ở các phần trước. Một số biện pháp khác cũng đã được đề xuất với mục đích hỗ trợ và khắc phục khó khăn cho người DTTS. Cụ thể các biện pháp được đề xuất như sau:

**Bảng VI-2: Các biện pháp phát triển DTTS**

<b>TT</b>	<b>Biện pháp phát triển đề xuất</b>	<b>Nội dung hỗ trợ</b>	<b>Đơn vị chịu trách nhiệm</b>
1	Hỗ trợ đào tạo nghề	Đào tạo lao động làm những công việc phổ thông khi nhà máy nhà máy đi vào vận hành. Ưu tiên con em những hộ mất đất nông nghiệp, hộ dễ bị tổn thương	Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, phòng nông nghiệp huyện Thường Xuân

<b>TT</b>	<b>Biện pháp phát triển đề xuất</b>	<b>Nội dung hỗ trợ</b>	<b>Đơn vị chịu trách nhiệm</b>
2	Hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi Cá lồng	Hỗ trợ cá giống, chi phí ban đầu cho 10 hộ bị ảnh hưởng nặng, tập huấn kỹ thuật cho các hộ dân tham gia	Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, phòng nông nghiệp huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.
3	Hỗ trợ nâng cấp đường giao thông nông thôn	Nâng cấp tuyến đường nội thôn từ bờ sông đến NVH thôn Xuân Minh xã Xuân Cẩm và tuyến đường từ 800m từ giáp đường liên xã đến Ngón Hô Thôn Xuân Minh 1 xã Xuân Cao	Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
4	Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa thôn	Nâng cấp hệ thống cung cấp nước của nhà văn hóa thôn Xuân Minh, xã Xuân Cẩm. Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Minh 1, xã Xuân Cao	Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

## VII. BỐ TRÍ THỂ CHẾ VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### A. Sắp xếp thể chế thực hiện

73. Việc thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số cần có sự phối hợp của nhiều ban, ngành và của các cấp từ tỉnh đến huyện, xã, thôn và cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương. Chủ đầu tư Công trình thủy điện Xuân Minh sẽ là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác để thực hiện. Tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số được cụ thể hóa như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh chịu trách nhiệm cung cấp kinh phí cho việc thực hiện toàn bộ các hoạt động được đề ra Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số; xây dựng các quy định và giám sát công nhân, tập kết nguyên vật liệu; thực hiện tham vấn cộng đồng; giám sát đền bù tái định cư; thực hiện và phối hợp thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của công trình; và thực hiện báo cáo cho các cơ quan có liên quan.
- Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện chịu trách nhiệm đền bù chính xác; đền bù theo giá thị trường; đền bù, hỗ trợ một lần cho những hộ bị ảnh hưởng.
- Hội Phụ nữ huyện phối hợp với chi hội Phụ nữ xã và các chi hội phụ nữ thôn có liên quan để thực hiện hiệu quả Chương trình truyền thông về Giới và vai trò của phụ nữ; các đợt truyền thông về phòng chống HIV/AIDS và buôn bán phụ nữ.
- Chính quyền xã sẽ hỗ trợ Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh trong việc quản lý nhân công; ngăn chặn tệ nạn xã hội; giám sát và phối hợp giám sát với các ban ngành của Huyện cùng với Ban Dân tộc tỉnh đối với việc thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

74. Chủ đầu tư phối hợp cùng với các ban ngành của xã, thôn thường xuyên cập nhật thông tin về tiến độ, hiệu quả của việc thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số cho cộng đồng dân tộc thiểu số; tiến hành giám sát và thông báo kết quả giám sát cho UBND xã và nhà đầu tư; hỗ trợ người dân tộc thiểu số khiếu nại có hiệu quả.

75. Lãnh đạo các thôn, các tổ chức xã hội và người dân tộc thiểu số sẽ thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số của chủ đầu tư công trình thủy điện Xuân Minh.

76. Ban Dân tộc tỉnh sẽ thường xuyên kiểm tra và có ý kiến về kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

### B. Kế hoạch thực hiện

77. EMDP được thực hiện như là một chương trình riêng biệt song song cùng với các hoạt động triển khai Kế hoạch tái định cư của dự án, bảng VII.1 dưới đây trình bày chi tiết kế hoạch thực hiện các giai đoạn chính, các mốc tác động dự án, các hoạt động trong EMDP và quản lý cũng như giám sát và đánh giá EMDP, một số hoạt động đã đưa vào trong RP (xem RP).

**Bảng VII-1 Tiến độ thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS**

<b>Các hoạt động</b>	<b>Tiến độ thực hiện</b>
Phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng	Tháng 2/2017
Chuẩn bị Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số	Tháng 2/2017- Tháng 3/2017
Đệ trình Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số	Tháng 3/2017
Phê duyệt Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số	Tháng 4/2017
Phổ biến thông tin sau khi kế hoạch phát triển DTTS được phê duyệt	Tháng 4/2017
Triển khai thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án	Tháng 9/2016 - Tháng 3/2019
Triển khai các hỗ trợ phát triển hoặc tăng cường cho người DTTS	Tháng 9/2016 - Tháng 3/2019
Giám sát và đánh giá	Tháng 4/2016 - Tháng 3/2019
Tiến hành thi công công trình	Tháng 9/2016 - Tháng 3/2019

## VIII. CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

78. Để đảm bảo rằng cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại được xây dựng là thiết thực và chấp nhận được đối với các hộ bị ảnh hưởng, đặc biệt là cộng đồng DTTS. Nội dung này đã được tham vấn với chính quyền và cộng đồng DTTS địa phương có tính đến đặc điểm văn hóa riêng biệt cũng như các cơ chế văn hóa truyền thống trong việc nêu và giải quyết các khiếu nại và trong các trường hợp cụ thể (như các tác động tiêu cực không được giảm thiểu hoặc phát sinh các tác động tiêu cực mới, các kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số không được thực hiện...) người dân tộc thiểu số có thể khiếu nại cho quyền lợi của mình. Cơ chế giải quyết khiếu nại đã được trao đổi cụ thể như sau.

79. **Giai đoạn 1:** Tại cấp xã: Một hộ bị ảnh hưởng có khiếu nại sẽ gửi khiếu nại của họ tới bộ phận tiếp dân của UBND xã để được tiếp nhận và hướng dẫn các thủ tục cần thiết. UBND xã sẽ làm việc riêng với hộ có khiếu nại và sẽ có 30 ngày để giải quyết sau khi nhận được khiếu nại. UBND xã chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ toàn bộ khiếu nại mà họ đang xử lý.

80. Khi UBND xã ban hành quyết định, hộ gia đình có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó, họ có thể khiếu nại lên UBND huyện

**Giai đoạn 2:** Tại cấp huyện: Khi nhận được khiếu nại của hộ, UBND huyện sẽ có 30 - 45 ngày kể từ khi nhận khiếu nại để giải quyết trường hợp đó. UBND huyện chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu về toàn bộ các khiếu nại mà họ đang xử lý. Khi UBND huyện ban hành quyết định, hộ gia đình có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ vẫn chưa hài lòng với quyết định đó, họ có thể khiếu nại lên UBND tỉnh

**Giai đoạn 3:** Tại cấp tỉnh: Khi nhận được khiếu nại của hộ, UBND tỉnh sẽ có 30 – 45 ngày kể từ khi nhận khiếu nại để giải quyết trường hợp đó. UBND tỉnh chịu trách nhiệm đối với việc lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu về toàn bộ các khiếu nại được trình lên.

81. Khi UBND tỉnh ban hành Quyết định, hộ gia đình có thể kháng cáo trong vòng 30 ngày. Nếu quyết định lần hai đã được ban hành mà hộ vẫn chưa thỏa mãn với quyết định đó, họ có thể khiếu nại lên tòa án trong vòng 45 ngày. .

82. **Giai đoạn 4:** Tòa án dân sự: Nếu người khiếu nại nộp hồ sơ của vụ việc lên tòa án và toàn án ra quyết định đứng về phía người khiếu nại, khi đó chính quyền tỉnh sẽ phải tăng mức đền bù lên mức mà tòa án quyết định. Trong trường hợp tòa án đứng về phía UBND tỉnh, người khiếu nại sẽ nhận được khoản tiền đã nộp cho tòa án.

83. Quy trình giải quyết khiếu nại cho người dân tộc thiểu số đã được mô tả trong tài liệu “Thông tin về Công trình thủy điện Xuân Minh ” và đã được phát cho tất cả các hộ dân tộc thiểu số tại cộng đồng. Để tránh tình trạng người dân tộc thiểu số không biết gặp ai tại xã, huyện, tỉnh để giải quyết khiếu nại của mình, Tài liệu đã cung cấp tên, địa chỉ chính xác và số điện thoại của những người có nhiệm vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại để người dân tộc thiểu số có thể khiếu nại một cách hiệu quả. Người dân tộc thiểu số sẽ được miễn mọi khoản chi phí liên quan đến thủ tục hành chính và pháp lý. Những khiếu nại toà án cũng có quyền được miễn chi phí cho việc đệ trình đơn

84. Cơ quan/tư vấn giám sát độc lập được tuyển dụng để giám sát và đánh giá độc lập sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra về thủ tục và tình hình giải quyết thắc mắc và khiếu nại. Cơ quan giám sát độc lập có thể kiến nghị các giải pháp khác (nếu cần thiết) để giải quyết những khiếu nại chưa giải quyết được.



## **IX. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

### **A. Yêu cầu chung về giám sát và đánh giá**

85. Hệ thống giám sát đánh giá nội bộ và độc lập sẽ được thiết lập để giám sát về thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS. Mục đích chính của chương trình giám sát và đánh giá là để đảm bảo rằng tất cả các biện pháp đề xuất của Kế hoạch phát triển DTTS đều được thực hiện theo đúng chính sách và quy trình của Kế hoạch phát triển DTTS. Đặc biệt giám sát và đánh giá độc lập sẽ tập trung vào tác động xã hội đối với những hộ BAH và hộ BAH có thể khôi phục lại mức sống ít nhất bằng hoặc tốt hơn so với mức sống của họ trước khi xây dựng công trình.

86. Phạm vi của chương trình giám sát và đánh giá sẽ bao gồm các hoạt động liên quan đến kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số, cung cấp ý kiến phản hồi cho cơ quan quản lý về công tác thực hiện của họ, xác định các vấn đề và thành công càng sớm càng tốt để tạo điều kiện có những chỉnh sửa kịp thời trong tổ chức thực hiện.

87. Mục tiêu của chương trình giám sát và đánh giá là (i) đảm bảo tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển DTTS; (ii) các biện pháp giảm thiểu và phát triển DTTS được thực hiện đúng; (iii) đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp và đề xuất các biện pháp tăng cường nếu cần thiết; (iv) xác định các vấn đề phát sinh hoặc tiềm ẩn đối với cộng đồng DTTS trong quá trình thực hiện; và (v) xác định các biện pháp ứng phó ngay để giảm thiểu những vấn đề đó.

#### **1. Giám sát nội bộ**

88. Chủ đầu tư công trình sẽ chịu trách nhiệm giám sát nội bộ việc thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS. Các báo cáo giám sát sẽ được chuẩn bị và đệ trình cho Ban quản lý dự án. Các báo cáo này sẽ là các báo tháng bắt đầu từ khi phân phát Tờ rơi phổ biến thông tin công khai cho tới khi giải ngân kinh phí đền bù và hoàn thành các hoạt động phát triển DTTS.

89. Báo cáo giám sát sẽ tóm tắt tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển DTTS đối chiếu với các chỉ số giám sát; và khi cần thiết, kiến nghị thay đổi để đảm bảo thực hiện kế hoạch phát triển DTTS theo các mục tiêu và các thủ tục trong kế hoạch phát triển DTTS. Báo cáo này là một phần trong báo cáo giám sát độc lập kế hoạch tái định cư và gửi cho Ban quản lý dự án và WB xem xét. Ban quản lý dự án sẽ nộp báo cáo giám sát hàng quý lên WB. Các báo cáo này sẽ tóm tắt tiến độ thực hiện thu hồi đất và tái định cư và EMDP cho dự án.

#### **2. Giám sát độc lập**

90. Tổ chức giám sát độc lập sẽ được tuyển dụng để đánh giá, giám sát, kiểm tra độc lập việc thực hiện Kế hoạch Dân tộc thiểu số. Giám sát, kiểm tra, đánh giá độc lập sẽ được thực hiện định kỳ hàng năm, trừ trường hợp trong giai đoạn đầu có thể yêu cầu giám sát 02 lần một năm.

91. Giám sát và đánh giá độc lập sẽ tập trung vào xem xét 05 vấn đề chính, đó là (i) các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đã đề ra được thực hiện như thế nào; (ii) có các tác động tiêu cực nào khác đến dân tộc thiểu số mà chưa được đánh giá, chưa xác định biện pháp giảm thiểu; (iii) các hỗ trợ phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương đã đề ra được thực hiện như thế nào; (iv) thông tin có được cung cấp đầy đủ hay không và quá trình tham vấn với người dân tộc thiểu số có được thực hiện hay không và thực hiện có hiệu quả hay không; và (v) quy trình giải quyết khiếu nại của người dân tộc thiểu số đối với Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số và các vấn đề khác họ đang gặp phải.

### B. Các chỉ số giám sát

92. Các chỉ số trong bảng IX.1 sau đây cần được định kỳ giám sát trong khi thực hiện EMDP bên cạnh các chỉ số giám sát đã nêu trong kế hoạch tái định cư.

**Bảng IX-1: Các chỉ số giám sát thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS**

<b>Các vấn đề giám sát, kiểm tra, đánh giá</b>	<b>Các chỉ báo cơ bản</b>
1. Tiến độ thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch đã được trao đổi với cộng đồng</li> <li>- Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực hiện của người DTTS và có sự phối hợp của người DTTS.</li> <li>- Kế hoạch có phù hợp/hợp lý với tiến độ các hoạt động khác.</li> <li>- Nhân lực thực hiện kế hoạch có đầy đủ</li> <li>- Kinh phí thực hiện kế hoạch có đầy đủ</li> </ul>
2. Thực hiện tham vấn cộng đồng và sự tham gia của người DTTS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng DTTS địa phương, chính quyền xã, lãnh đạo thôn và các tổ chức đoàn thể được cung cấp đầy đủ thông tin về Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số, kế hoạch thực hiện và cơ chế giải quyết khiếu nại.</li> <li>- Cộng đồng DTTS địa phương, chính quyền xã, lãnh đạo thôn và các tổ chức đoàn thể được tham gia vào các hoạt động có liên quan, đặc biệt là giám sát việc thực hiện Kế hoạch Dân tộc thiểu số</li> </ul>
3. Việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của công trình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực từ công trình được thực hiện và thực hiện có hiệu quả.</li> <li>- Không phát sinh các tác động tiêu cực khác từ công</li> </ul>

<b>Các vấn đề giám sát, kiểm tra, đánh giá</b>	<b>Các chỉ báo cơ bản</b>
	<p>trình, nếu có phát sinh phải tham vấn với cộng đồng về biện pháp giảm thiểu và thực hiện giảm thiểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ban, ngành phối hợp có hiệu quả trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ công trình.</li> </ul>
<p>4. Thực hiện các biện pháp duy trì, nâng cao, biện pháp hỗ trợ phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng DTTS được đề ra trong Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số được thực hiện và thực hiện có hiệu quả.</li> <li>- Các ban, ngành phối hợp có hiệu quả trong việc thực hiện các hỗ trợ phát triển cộng đồng.</li> </ul>
<p>5. Cơ chế khiếu nại</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng dân tộc thiểu số hiểu rõ cơ chế khiếu nại.</li> <li>- Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện, các tổ chức xã hộ cấp xã/UBND xã hiểu rõ về về cơ chế khiếu nại và có thể hỗ trợ người DTTS thực hiện khiếu nại nếu có.</li> </ul>

## X. KINH PHÍ VÀ KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN

93. Chi phí cơ bản của EMDP được dự toán là **957.000.000 VNĐ** (tương đương 42.047 USD). Chi phí này bao gồm các biện pháp cụ thể và dự phòng. Ngân sách cho EMDP lấy từ vốn vay. Chi phí giám sát và đánh giá EMDP được tính trong chi phí RP.

**Bảng X-1: Tổng hợp kinh phí thực hiện kế hoạch phát triển DTTS**

T T	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Hỗ trợ đào tạo nghề	5 hộ	10.000.000	50.000.000	Đào tạo lao động làm những công việc phổ thông khi nhà máy nhà máy đi vào vận hành. Ưu tiên con em những hộ mất đất nông nghiệp, hộ dễ bị tổn thương
2	Hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi Cá lồng	10 hộ		120.000.000	Hỗ trợ cá giống chi phí ban đầu: 10 hộ*10.000đ/hộ=100.000.000đ tập huấn kỹ thuật: 20.000.000đ
3	Hỗ trợ nâng cấp đường giao thông nông thôn			600.000.000	Nâng cấp tuyến đường nội thôn từ bờ sông đến NVH thôn Xuân Minh xã Xuân Cẩm và tuyến đường từ 800m từ giáp đường liên xã đến Ngón Hố Thôn Xuân Minh 1 xã Xuân Cao
4	Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa thôn	2 xã	50.000.000	100.000.000	Nâng cấp hệ thống cung cấp nước của nhà văn hóa thôn Xuân Minh, xã Xuân Cẩm. Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Minh 1, xã Xuân Cao
	<b>Tổng kinh phí hỗ trợ</b>			<b>870.000.000</b>	
	<b>Kinh phí dự phòng (10%)</b>			<b>87.000.000</b>	
	<b>Tổng số</b>			<b>957.000.000</b>	